**BÀI 8**

**NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

(Thơ song thất lục bát - 12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 98,99**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

*NỖI NHỚ THƯƠNG CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ*

*(Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn*

*Bản diễn Nôm: Phan Huy Ích)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. KIẾN THỨC**

- Một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Một số yếu tố của thơ như: từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Cách đọc hiểu thơ song thất lục bát.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:***

- Bước đầu nhận ra được ý nghĩa của chủ điểm.

- Xác định được thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học

**c*. Sản phẩm***:

- Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Liệt kê một số cung bậc tình cảm phổ biến của con người.  - Theo em, vì sao cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác và thấu hiểu cảm xúc của họ?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày ý kiến, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp các ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học. | Gợi ý:  - Cung bậc cảm xúc: vui, buồn, phẫn nộ, tủi thân, cô đơn, buồn tủi, nhớ nhung, chán ghét,...  - Cần chia sẻ để bản thân được nhẹ nhõm và người khác thấu hiểu mình,... |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận biết nhiệm vụ học tập.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS quan sát nhanh nội dung phần *Đọc* trong SGK và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ học tập chính của các em về đọc ở bài học này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 đến 3 HS trả lời, HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về câu trả lời của HS và kết luận. | - VB 1 *(Nỗi nhớ thương của người chinh phụ)*  - VB 2 *(Hai chữ nước nhà)* để hình thành và phát triển kĩ năng đọc thơ song thất lục bát  - VB 3 *(Bức thư tưởng tượng)* để tìm hiểu thêm về chủ điểm của bài học  - VB 4 (*Tì bà hành)* để thực hành kĩ năng đọc thơ song thất lục bát. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức đọc hiểu về thơ song thất lục bát**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được kiến thức nền của HS về thơ nói chung và thể thơ song thất lục bát nói riêng.

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát.

***b. Nội dung:***Hs đọc sách giáo khoa để tìm hiểu về tri thức đọc hiểu

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*HS thảo luận nhóm đôi Think – Pair – Share đọc các thông tin trong phần Tri thức ngữ văn và thực hiện những yêu cầu sau:  - Nêu khái niệm thể thơ song thất lục bát.  - Nêu cách hiệp vần, ngắt nhịp và hài thanh của thể thơ song thất lục bát.  - HS theo dõi bảng so sánh “Sự khác biệt giữa thơ song thất lục bát và thơ lục bát” trong SGK để hiểu hơn về hai thể thơ này.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 đến 3 HS trả lời, HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về câu trả lời của HS và kết luận. | **I. Tri thức Ngữ văn**  **1. Khái niệm**  - Thơ song thất lục bát là thể thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu – tám tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài.  **2. Cách hiệp vần**  - Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc).  - Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  - Tham khảo bảng thanh điệu (phụ lục).  **3. Cách ngắt nhịp**  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4.  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2). |

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ***

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi ở mục Chuẩn bị đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi *Chuẩn bị đọc*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Theo em, trong xã hội phong kiến, người phụ nữ phải chịu những thiệt thòi gì?  - Cách 2: Em hãy đọc một số bài ca dao và kể tên những tác phẩm viết về người phụ nữ trong xã hội phong kiến và chỉ ra những điểm chung của tác phẩm ấy.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 nhóm HS trình bày ý kiến, các nhóm khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học: Quả thật, trong xã hội phong kiến người phụ nữ đã phải chịu vô số những thiệt thòi, bất công, khiến Nguyễn Du từng thốt lên trong Truyện Kiều rằng:  *Đau đớn thay phận đàn bà*  *Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*  Và hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về một đoạn trích nói về sự “bạc mệnh” của người phụ nữ với tựa đề “*Nỗi nhớ thương của người chinh phụ*” | Cách 1:  C:\Users\DELL\Downloads\Modern Steps Project Management Process Infographic Graph (5).png  Cách 2:  + Thân em như giếng giữa đàng  Người thanh rửa mặt, người phàm rửa chân  + Bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương)  + Chuyện người con gái Nam Xương  + Truyện Kiều (Nguyễn Du)  +...  🡪 Sự bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến |

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-*HS đọc VB và tự đánh giá theo bảng kiểm kĩ năng đọc, tự ghi chép và trả lời câu hỏi trong SGK theo.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** | | Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  | | Ngắt giọng phù hợp, thể hiện đúng nhịp điệu câu văn |  |  | | Thể hiện được các trạng thái, cảm xúc của các nhân vật |  |  |   **PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | Suy luận: Mục đích của việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian từ dòng 125 đến dòng 132 là gì? |  | | Tưởng tượng: Em hình dung thế nào về tâm trạng của người chinh phụ qua đoạn thơ (từ dòng 141 đến dòng 148)? |  |   - Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 2**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB, ghi chép ý chính, từ khoá, ý tưởng và tìm câu trả lời cho câu hỏi Theo dõi, Suy luận trong SGK.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày kết quả trả lời hai câu hỏi Theo dõi, Suy luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung. | **2.2.1. Đọc**  - Cách đọc: Khi đọc, HS cần chú ý các tên đất, tên người mang tính chất ước lệ tượng trưng, nhấn mạnh vào các điển tích, điển cố và chú ý đến phần giải thích nghĩa các từ khó.  - Thẻ chỉ dẫn:   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/kĩ năng đọc.** | **Câu trả lời của tôi** | | Suy luận: Mục đích của việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian từ dòng 125 đến dòng 132 là gì? | - Những hình ảnh chỉ thời gian: lâm hành; ngày về; mai chưa dạn gió;…  => Mục đích: Chỉ thời gian trôi chậm, người mãi chưa thấy đâu. | | Tưởng tượng: Em hình dung thế nào về tâm trạng của người chinh phụ qua đoạn thơ (từ dòng 141 đến dòng 148)? | - Em hình dung người chinh phụ đang đi qua đi lại trước khung cửa sổ, nhìn ra ngoài đợi người chinh phu trở về.  => Tâm trạng mong ngóng, chờ đợi. |     **2.2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Đặng Trần Côn sống vào khoảng đầu thế kỉ XVIII, quê ở làng Nhân Mục (còn gọi là làng Mọc), nay thuộc Hà Nội.  - Ông đỗ Hương cống, làm quan tới chức Ngự sử đài chiếu khám.  - Tác phẩm của ông thường chú trọng thể hiện những tình cảm riêng tư, những nỗi niềm trắc ẩn của con người.  - Ngoài Chinh phụ ngâm khúc, một số sáng tác khác của ông hiện còn được lưu lại như Tiêu Tương bát cảnh, ba bài phú Trương Hàn tư thuần lô, Trương Lương bố ý, Khấu môn thanh,...  **b. Dịch giả**  - Phan Huy Ích  (1751 – 1822) là quan đại thần trải ba triều đại [Lê trung hưng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_trung_h%C6%B0ng), [Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n) và [Nguyễn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Nguy%E1%BB%85n), góp nhiều công lớn trong lĩnh vực ngoại giao, ông trở thành nhà ngoại giao tiêu biểu thời Tây Sơn.  - Sự chuyển biến về tư tưởng, bắt nhịp qua 3 triều đại để đóng góp xây dựng đất nước của Dụ Am Phan Huy Ích thể hiện sự chuyển biến trong tư tưởng của tầng lớp nho sĩ Đàng Ngoài giai đoạn cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19.  **c. Tác phẩm**  - Chinh phụ ngâm (Khúc ngâm của người phụ nữ có chồng ra trận) còn có nhan đề khác là Chinh phụ ngâm khúc, do Đặng Trần Côn sáng tác trong khoảng năm 1740 - 1742 bằng chữ Hán, giãi bày tâm sự của một người vợ có chồng ra trận, mong mỏi ngày chồng chiến thắng trở về, được nhà vua ban thưởng và cùng nàng sống hạnh phúc.  - Tác phẩm được nhiều người diễn Nôm, trong đó bản Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc diễn Nôm bằng thể thơ song thất lục bát của Phan Huy Ích được cho là thành công hơn cả.  - VB Nỗi nhớ thương của người chinh phụ trích từ dòng 125 đến dòng 152, dịch từ bản diễn Nôm nói trên của Phan Huy Ích. |

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.3.1. Tìm hiểu về thi luật của thơ song thất lục bát**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được được một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 1 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS làm việc cá nhân, sau đó, thảo luận theo nhóm để hoàn thành **PHT số 3**  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:* 4 - 5 HS/ nhóm thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trả lời câu hỏi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV bổ sung câu trả lời của HS | **2.3.1. Tìm hiểu về thi luật của thơ song thất lục bát.** |
| **PHT số 3**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu sự tuân thủ quy định về thi luật của thơ song thất lục bát**  *Gợi ý:* Đọc lại mục *Thơ song thất lục bát,* phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK và VB *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ,* sau đó, điền thông tin vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Số chữ, số dòng trong một khổ thơ | … | | Vần | … | | Nhịp | … | | Kết luận: ... | … | |   **Gợi ý**  Bài thơ tuân thủ quy định về thi luật của thơ song thất lục bát. Cụ thể như sau:   |  |  | | --- | --- | | Số chữ, số dòng trong một khổ thơ | - VB có 7 khổ thơ  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) | | Vần | Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  Ví dụ:  *Thuở lâm hành oanh chưa bén* ***liễu*** *(T),*  *Hỏi ngày về ước* ***nẻo*** *(T) quyên* ***ca*** *(B).*  *Nay quyên đã giục oanh* ***già*** *(B),*  *Ý nhi lại gáy trước* ***nhà*** *(B) líu lo (B).*  *Thuở đăng đồ mai* ***chưa*** *(B) dạn gió,* | | Nhịp | Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ:  *Thuở lâm hành/ oanh chưa bén* ***liễu****,*  *Hỏi ngày về/ ước* ***nẻo*** *quyên* ***ca****.*  *Nay quyên/ đã giục/ oanh* ***già****,*  *Ý nhi/ lại gáy/ trước* ***nhà****/ líu* ***lo****.* | | |

**2.3.2. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 2,3,4,5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** PHT số 4 vàcâu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập: Gv chia lớp thành 4 nhóm*  - **Nhóm 1**: Hoàn thành **PHT số 4** để tra lời câu hỏi 2  - **Nhóm 2**: thực hiện yêu cầu của câu 3 trong SGK. *Gợi ý:*  *+*Xác định tâm trạng của người chinh phụ thể hiện từ dòng 125 đến dòng 140.  + Tâm trạng của người chinh phụ từ dòng 141 đến dòng 152 có gì khác so với đoạn trước đó? Nghệ thuật miêu tả tâm trạng trong đoạn này có gì đặc sắc?  - **Nhóm 3**: Thực hiện yêu cầu của câu 4 trong SGK. *Gợi ý:* Dựa trên nội dung trả lời câu 1 và 3 để trả lời câu này.  - **Nhóm 4**: Hoàn thành câu 5 trong SGK: Xác định bố cục và mạch cảm xúc của VB. *Gợi ý:*   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | |  |  | |  |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng | **2.3.2. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản** |
| .  **PHT số 4**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Đọc VB *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ* và thực hiện các nhiệm vụ sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a. Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh cho biết lời hẹn lúc ra đi của người chinh phu và hoàn cảnh thực tế thông qua lời của người chinh phụ: | | | |  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** | | Ngày gặp gỡ | … | … | | b. Theo em, các từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ có vai trò gì trong việc bộc lộ tình cảm của người chinh phụ?  ………………………………………………………………………………...…………........................................................................................................... | | | |   Gợi ý  **Câu 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a. Những từ ngữ, hình ảnh cho biết lời hẹn lúc ra đi của người chinh phu và hoàn cảnh thực tế thông qua lời của người chinh phụ: | | | |  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** | | Ngày gặp gỡ | *- ... ngày về ước nẻo quyên ca*  *- ... ngày về chỉ độ đào bông* | *- Nay quyên đã giục oanh già/ Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo*  *- Nay đào đã quyến gió đông/ Tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ* | | Nơi gặp gỡ | *- ... Lũng Tây nham ấy*  *- ... Hán Dương cầu nọ* | *- Sớm đã trông nào thấy hơi tăm/ Ngập ngừng lá rụng cành trâm/ Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm xôn xao*  *- Chiều lại tìm, nào có tiêu hao/ Ngập ngừng gió thổi áo bào/ Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông* | | b. Các từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ với những hình ảnh lạnh lẽo, thê lương góp phần khắc sâu nỗi nhớ thương, mong ngóng của người chinh phụ; đồng thời tô đậm nỗi thất vọng, đau khổ của nàng khi lời hẹn của người chồng và hoàn cảnh thực tế hoàn toàn sai biệt. | | |   **Câu 3:**  - Tâm trạng chủ yếu của người chinh phụ từ dòng 125 đến dòng 140 là nỗi thất vọng vì người chồng đã sai lời hẹn ước, tâm trạng ngóng trông mỏi mòn trong tuyệt vọng. Còn tâm trạng chủ yếu từ dòng 141 đến dòng 152 là mong ngóng, đợi chờ xen lẫn trách hờn, xót xa cho người chinh phu chinh chiến nơi “ải xa”.  - Nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả tâm trạng trong đoạn này:  + Nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng nhằm diễn tả nỗi nhớ thương, mong ngóng để rồi thất vọng sâu sắc  + Cách gieo vần, ngắt nhịp, nghệ thuật đối của thể thơ song thất lục bát được sử dụng nhuần nhuyễn, tinh tế giúp làm nổi bật hoàn cảnh đợi chờ, nỗi nhớ mong triền miên.  + Phép điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc) được sử dụng để nhấn mạnh tâm trạng đau khổ, thất vọng, sự trách hờn nhẹ nhàng nhưng đầy chua xót của người chinh phụ.  **Câu 4:** Sự lặp lại có tính quy luật 7 - 7 - 6 - 8, vần, nhịp, đối và phép điệp (điệp ngữ *(rêu xanh, bóng dương,...')* và điệp cấu trúc *(Thuở lâm hành..., Thuở đăng đồ., Hỏi ngày về., Hẹn cùng ta., Hẹn nơi nao., Xót người.,...)* góp phần tô đậm nỗi nhớ thương, mong ngóng chồng của người chinh phụ; nỗi thất vọng, đau đớn vì sự sai hẹn của chồng so với buổi ra đi; sự trách móc “mười hẹn chín thường đơn sai” pha lẫn xót thương cho người “lần lữa ải xa, nương chốn Hoàng Hoa dặm dài”.  **Câu 5:** Nguyen Nham 0981.713.891   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1 (từ dòng 125 đến dòng 140) | Nỗi thất vọng của người chinh phụ vì sự sai hẹn của người chồng từ buổi ra đi (sai hẹn cả thời gian gặp gỡ và địa điểm gặp gỡ). | | Phần 2 (từ dòng 141 đến dòng 152) | Nỗi nhớ thương, mong ngóng xen lẫn trách hờn của người chinh phụ dành cho chồng. |   . | |

**2.3.3. Tìm hiểu chủ đề, một số căn cứ để xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 6, 7trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS kể chuyện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm 4-6 các câu hỏi:  - Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản. Chỉ ra một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Văn bản thể hiện thông điệp gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng. | **2.3.3. Tìm hiểu chủ đề, một số căn cứ để xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản**  **\* Chủ đề, cảm hứng chủ đạo**  - Chủ đề: Nỗi nhớ thương của người chinh phụ đối với người chồng đi chinh chiến nơi ải xa.  - Cảm hứng chủ đạo: Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với tình cảnh vò võ, cô đơn của người chinh phụ trẻ có chồng đi chinh chiến nơi ải xa, qua đó, lên tiếng phê phán chiến tranh.  b. Căn cứ xác định:  - Thông qua nhan đề: nỗi nhớ thương của người chinh phụ  - Hình ảnh: mai chưa dạn gió, độ đào bông, tuyết mai, tiếng cầm, ....  - Mạch cảm xúc, tâm trạng: ngập ngừng, ngẩn ngơ, xót,...  -...  **\* Thông điệp:** Chiến tranh luôn thù nghịch với hạnh phúc, tình yêu; hãy thông cảm với nỗi cô đơn của người chinh phụ; cảm thông với nỗi đau thương, bất hạnh của con người trong chiến tranh. |

**2.4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Khái quát được thi luật của thơ song thất lục bát thông qua việc đọc VB *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ.*

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  - Thông qua việc đọc tri thức về thi luật thơ song thất lục bát và đọc VB *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ,* em hãy khái quát một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát.  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận.*  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét về sơ đồ của các nhóm và lưu ý cách đọc truyện truyền kì. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  - Nội dung: Đoạn trích thể hiện nỗi cô đơn buồn khổ của người chinh phụ trong tình cảnh lẻ loi. Qua đó đề cao khát vọng hạnh phúc lứa đôi và tiếng nói tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa.  - Nghệ thuật:  + Bút pháp tả cảnh ngụ tình, miêu tả tinh tế nội tâm nhân vật.  + Ngôn từ chọn lọc, sử dụng hàng loạt biện pháp tu từ như so sánh, ẩn đụ, điệđiệp.  + Nhịp thơ trậm rãi  **2. Khái quát đặc điểm thơ song thất lục bát qua đoạn trích *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ.*** |
| **.**   |  |  | | --- | --- | | Số chữ, số dòng trong một khổ thơ | - VB có 7 khổ thơ  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng). | | Vần | Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục. | | Nhịp | Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2). |   **.** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Bầu bạn cùng chinh phụ”.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Bầu bạn cùng chinh phụ”.  Câu 1: Tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn được viết theo thể loại nào?  A. Thơ tự sự  **B.** Thơ trữ tình  C. Truyện thơ  D. Tuỳ bút  Câu 2: Đoạn trích *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ* của Phan Huy Ích dịch được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn bát cú Đường luật  **B.** Song thất lục bát  C. Lục bát  D. Lục bát biến thể  Câu 3: Nhịp thơ trong hai dòng thất của bài thơ thường được ngắt theo nhịp nào?  A. 2/3.  B. 4/3.  **C.** 3/4.  D. 2/2/2.  Câu 4: Dòng nào dưới đây nhận xét không đúng về Chinh phụ ngâm ?  A. Cảm động trước nỗi đau của con người, nhất là của những người vợ lính trong chiến tranh là động lực để Đặng Trần Côn viết nên khúc ngâm xuất sắc này.  B. Khúc ngâm nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.  C. Khúc ngâm thể hiện tâm trạng khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.  **D.** Khúc ngâm được viết theo thể thơ lục bát.  Câu 5: Nội dung chính của đoạn trích là gì?  **A.** Đoạn trích nói về tâm trạng của người phụ nữ có chồng ra chiến trận với nỗi nhớ, khát khao ngày sum họp  B. Đoạn trích miêu tả cảnh thiên nhiên mùa thu đầy thơ mộng  C. Đoạn trích thể hiện nỗi buồn và sự cô đơn của người phụ nữ trong cuộc sống thường ngày  D. Đoạn trích phản ánh sự thay đổi của thời gian và thiên nhiên  Câu 6: Sự lặp lại có tính quy luật 7 - 7 - 6 - 8, vần, nhịp, đối và phép điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc) trong văn bản có tác dụng gì trong việc biểu đạt tâm trạng, cảm xúc của người chinh phụ?  A. Tạo nên một nhịp điệu êm đềm, dễ chịu, phù hợp với tâm trạng nhớ nhung  B. Làm nổi bật sự kiên nhẫn và bền bỉ trong chờ đợi của người chinh phụ  **C.** Thể hiện sự đồng cảm của tác giả với số phận bi đát của người phụ nữ trong xã hội phong kiến  D. Nhấn mạnh sự lặp đi lặp lại của cảm xúc và tâm trạng của người chinh phụ  Câu 7: Chủ đề của văn bản là gì?  A. Sự trách móc của người phụ nữ đối với người chồng nơi chiến trận  B. Sự tàn phá của chiến tranh đối với hạnh phúc gia đình  **C.** Nỗi nhớ thương của người chinh phụ đối với người chồng đi chinh chiến nơi ải xa  D. Sự thay đổi của thiên nhiên theo thời gian  Câu 8: Ý nào dưới đây không phải là thông điệp của văn bản?  A. Chiến tranh luôn thù nghịch với hạnh phúc, tình yêu  **B.** Tầm quan trọng của việc tạo lập công danh đối với nam nhi  C. Hãy thông cảm với nỗi cô đơn của người chinh phụ  D. Cảm thông với nỗi đau thương, bất hạnh của con người trong chiến tranh..  Câu 9: Câu thơ "Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai" có ý nghĩa gì?  A. Lời hứa thường được thực hiện  **B.** Lời hứa thường bị thất hẹn  C. Lời hứa luôn đúng hẹn  D. Lời hứa không đáng tin cậy  Câu 10: Các từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ có vai trò gì trong việc bộc lộ tình cảm của người chinh phụ?  A. Gợi nhớ về kỷ niệm đẹp giữa người chinh phụ và người chinh phu trước khi ra chiến trận.  B. Tạo ra không gian tĩnh lặng, thể hiện tâm trạng u buồn và cô đơn của người chinh phụ.  **C.** Diễn tả thời gian trôi chậm, khoảng cách chia xa, chưa biết ngày gặp lại.  D. Khắc họa rõ nét những biểu hiện cụ thể của nỗi nhớ và khát khao của người chinh phụ đối với người chồng nơi chiến trận.  Câu 11: Dựa vào căn cứ nào để xác định chủ đề của văn bản?  A. Thông qua nhan đề: nỗi nhớ thương của người chinh phụ  B. Hình ảnh: mai chưa dạn gió, độ đào bông, tuyết mai, tiếng cầm, ....  C. Từ ngữ chỉ cảm xúc, tâm trạng: ngập ngừng, ngẩn ngơ, xót,...  **D.** Tất cả các đáp án trên.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs thực hiện yêu cầu ở câu hỏi số 8, SGK

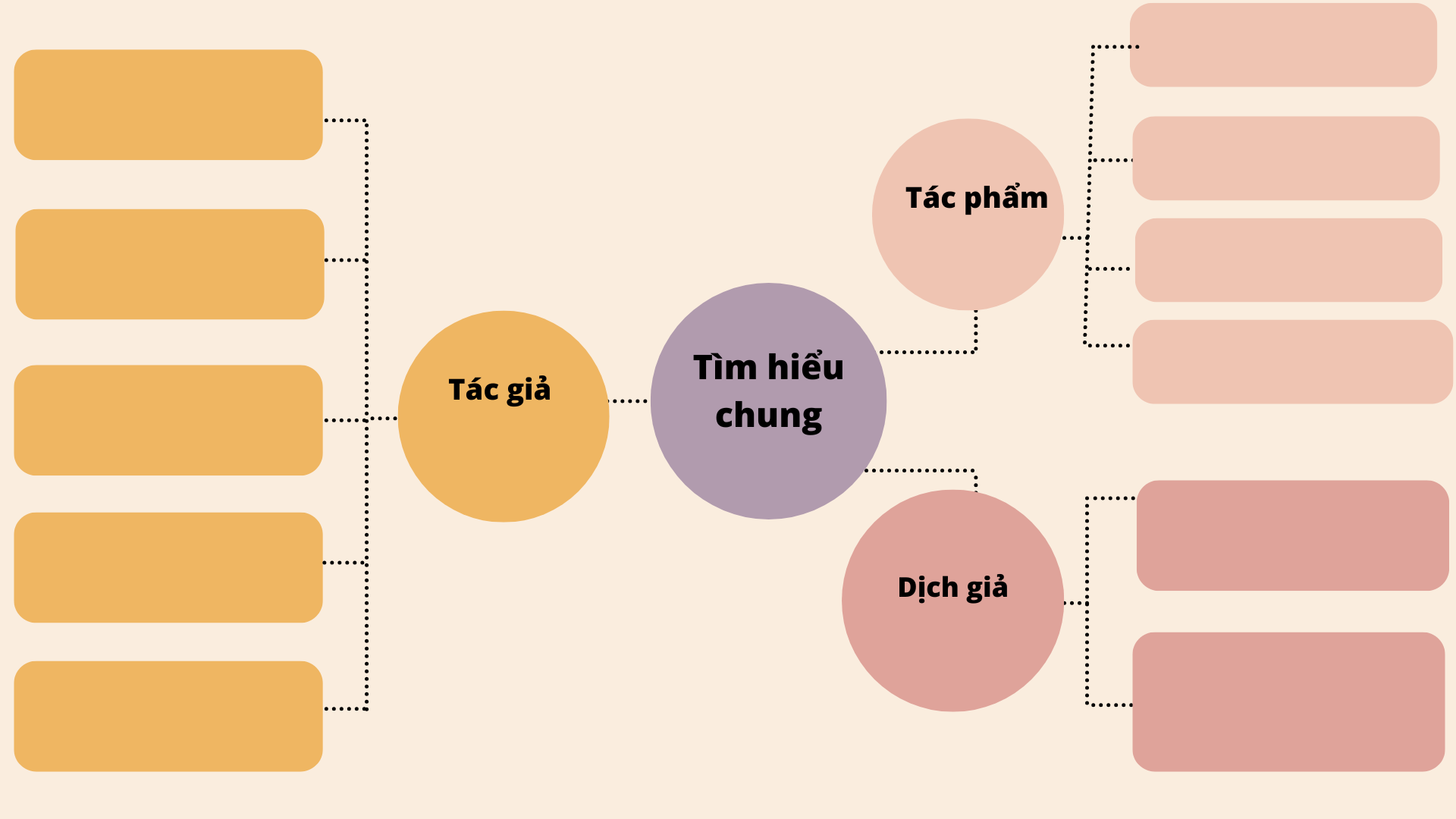
***c. Sản phẩm:*** Sản phẩm của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: [Trong văn bản trên, người chinh phụ đã bộc lộ nỗi nhớ thương của mình đối với người chồng đi chinh chiến. Hãy sáng tạo một sản phẩm (có thể viết/ vẽ,...) để bày tỏ tình cảm dành cho người mà em yêu quý.](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/trong-van-ban-tren-nguoi-chinh-phu-da-boc-lo-noi-nho-thuong.jsp)  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* GV mời một số HS đại diện cho hai nhóm tranh luận với nhau.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của HS dựa trên các yêu cầu đã nêu. | Gợi ý: Sản phẩm cần đảm bảo yêu cầu:  - Về nội dung: Sản phẩm cần thể hiện rõ tình cảm của bản thân dành cho người mình yêu quý.  - Về hình thức:  + Đối với sản phẩm viết: Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.  + Đối với các sản phẩm vẽ/ ảnh chụp,.: Bố cục cân đối, màu sắc hài hoà. |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 2**

****

**BÀI 8**

**NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

(Thơ song thất lục bát - 12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 100,101**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**HAI CHỮ NƯỚC NHÀ**

*(Trần Tuấn Khải)*

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. KIẾN THỨC**

- Một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Một số yếu tố của thơ như: từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Cách đọc hiểu thơ song thất lục bát.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

- Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

- Tạo tâm thế trước khi đọc VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi phần chuẩn bị đọc.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Đây là ai? Nêu hiểu biết của em về cuộc đời Nguyễn Trãi (dựa vào câu đố)  *Từng phen khóc lóc theo cha Rồi đem nợ nước thù nhà ra cân Núi Lam tìm giúp minh quân Bình Ngô Đại Cáo, bút thầm ra tay? Là ai?*  - Cách 2: Hs xem video và chia sẻ cảm nghĩ của bản thân  <https://www.youtube.com/watch?v=oApHLPeoTOc>  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận và sắp xếp thông tin đúng trong trò chơi *Đường đến ngôi mộ cổ*.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2,3 Hs trả lời, Hs khác lắng nghe, nhận xét  *\* Kết luận, nhận định:* GV dẫn dắt vào bài: Cuộc chia tay giữa người cha Nguyễn Phi Khanh và người con Nguyễn Trãi đã trở thành nguồn cảm hứng để Nguyễn Tuấn Khải viết nên bài thơ “Hai chữ nước nhà”, qua đó kí thác tâm sự yêu nước của bản thân ông. | Gợi ý:  - Cách 1: Nguyễn Trãi  - Cách 2: Hs chia sẻ |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

-Vận dụng kĩ năng đọc đã học ở lớp trước như *Theo dõi, Đọc quét* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

-Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Trải nghiệm cùng VB.*

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

***d. Tổ chức thực hiện:*** Nguyen Nham 0981.713.891

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs đọc phù hợp với tốc độ đọc và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi, kĩ năng đọc trong SGK.  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện lần lượt hai nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt, bổ sung ý kiến cho HS. | **1.1. Đọc**  - Cách đọc: tốc độ đọc chậm rãi, trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ, đọc diễn cảm (ngữ điệu, ngắt nhịp, tốc độ, nhấn giọng…) để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình.  - Câu hỏi trong thẻ chỉ dẫn:   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi/ kĩ năng đọc. | Câu trả lời của tôi | | Suy luận: Khổ thơ này thể hiện tâm trạng gì của nhân vật người cha? | Khổ thơ thể hiện tâm trạng buồn và tin cậy vào con. | | Suy luận: Nhân vật người cha đã dẫn ra những câu chuyện, nhân vật lịch sử (trong các dòng thơ từ dòng 37 đến dòng 52) nhằm mục đích gì? | Mục đích nhắc cho con nhớ công lao của cha ông, những gì cha ông đã gây dựng và nhắn con hãy bảo vệ lấy nó. | | Suy luận: Em hiểu thế nào về hai dòng thơ cuối? | Hai dòng thơ cuối nhắc nhở về công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, khuyên nhủ con cái phải sống tốt, làm người có ích. |   **1.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Trần Tuấn Khải (1895 - 1983), quê ở Quang Xán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.  - Ông là nhà thơ, nhà văn, nhà báo, dịch giả danh tiếng.  - Thơ văn của ông chứa đựng nỗi niềm đau đáu trước cảnh nước mất nhà tan, thường mượn chuyện xưa tích cũ trong lịch sử dân tộc để gửi gắm tấm lòng yêu nước thương dân, thể hiện trách nhiệm của một nhà Nho đối với vận mệnh dân tộc.  - Tác phẩm tiêu biểu: Duyên nợ phù sinh I (1921) – Duyên nợ phù sinh II (1923), Bút quan hoài I (1924) – Bút quan hoài ll (1927), Hồn tự lập I (1924) - Hồn tự lập II (1927), Hồn hoa (1925), Với sơn hà I (1936) – Với sơn hà II (1949),...  **b. Tác phẩm**  - Bài thơ Hai chữ nước nhà được sáng tác vào năm 1924, thời kỳ Pháp thuộc, là lời người cha (Nguyễn Phi Khanh) khuyên dặn người con (Nguyễn Trãi) phải biết sống quên mình vì nước nhà.  - Bài thơ gồm 25 khổ thơ song thất lục bát và kết thúc bằng một dòng lục (sáu chữ: “Con ơi! Hai chữ nước nhà!”).  - Phần văn bản trong SGK trích từ dòng 29 đến dòng 64. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.1.** **Tìm hiểu về thi luật của thơ song thất lục bát và một số nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ.

- Nhận biết được một số từ ngữ, hình ảnh trong VB.

- Phân tích được tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp, cách sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 1,2,3 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 1,2,3 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận theo nhóm 4-6 em theo **PHT số 2** để tìm hiểu về thi luật và nét độc đáo của bài thơ  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 4-6 HS thảo luận.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **2.1. Tìm hiểu về thi luật của thơ song thất lục bát và một số nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.** |
| **PHT số 2**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1:** Phân tích thi luật của thơ song thất lục bát thể hiện qua VB *Hai chữ nước nhà:*   |  |  | | --- | --- | | Số chữ, số dòng trong một khổ thơ | … | | Vần | … | | Nhịp | … |   **Câu 2:** Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh của VB có tác dụng tăng sức cảm hoá, thuyết phục trong lời khuyên của người cha đối với người con.  …………………………………………………………………………………..………..................................................................................................................  **Câu 3:** Nêu tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp, cách sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong VB.  ……………………………….............................................................................................................................................................................................................. |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1:**   |  |  | | --- | --- | | Số chữ, số dòng trong khổ thơ | - VB có 9 khổ thơ  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) | | Vần | Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  Ví dụ:  *Cha xót phận tuổi già sức* ***yếu*** *(T),*  *Lỡ sa cơ đành* ***chịu*** *(T) bó* ***tay*** *(B),*  *Thân lươn bao quản vũng* ***lầy*** *(B),*  *Giang san gánh vác sau* ***này*** *(B) cậy* ***con*** *(B).*  *Con nên nhớ tổ* ***tôn*** *(B) khi trước:* | | Nhịp | Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ:  *Cha xót phận/ tuổi già sức yếu,*  *Lỡ sa cơ/ đành chịu bó tay,*  *Thân lươn/ bao quản/ vũng lầy,*  *Giang san/ gánh vác/ sau này/ cậy con.* |   **Câu 2:** Các từ ngữ hình ảnh, có tác dụng tăng sức cảm hoá, thuyết phục như: “*giang san gánh vác*”, “*cậy*”, “*ngọn cờ độc lập máu đào còn dây*”, “*ra tay buồm lái*”, *“xoay với cuồng phong”, “nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi”, “vì giống nòi huyết chiến bao phen” “gươm reo chính khí”, “nước rền dư uy”, “sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng”, “hi sinh thân thế cũng vì nước non”, “bước cạnh tranh”, “há để nhường ai”,...*  **Câu 3:** Cách gieo vần, ngắt nhịp và cách sử dụng phép điệp (điệp từ: ***giang san*** *này vẫn* ***giang san****, thời* ***thế*** *có anh hùng là* ***thế***...) và điệp cấu trúc *(Kìa..., Kìa..., Con nên nhớ..., Con nay cũng..., Con đương độ.)* góp phần tô đậm những dấu ấn vàng son trong lịch sử; đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc giúp nước nhà. | | |

**2.2. Tìm hiểu bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề và căn cứ xác định chủ đề, thông điệp của bài thơ**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 4,5,6 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho các câu 4,5,6 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm đôi theo **PHT số 3** để tìm hiểu về bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề và căn cứ xác định chủ đề, thông điệp của bài thơ  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ  *\* Báo cáo, thảo luận:* 4 - 6 HS trình bày sản phẩm. Các HS khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm, bổ sung. | **2.2. Tìm hiểu bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề và căn cứ xác định chủ đề, thông điệp của bài thơ** |
| **PHT số 3**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Đọc lại VB *Hai chữ nước nhà* và thực hiện các nhiệm vụ:  **Câu 4:** Xác định bố cục và mạch cảm xúc của VB.   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | *…* | *…* | | *…* | *…* | | *…* | *…* |   **Câu 5:** Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của VB.  …………………………………………………………………………………………........................................................................................................................  **Câu 6:** Nêu thông điệp mà tác giả gửi gắm thông qua VB.  …………………………………………………………………………………………........................................................................................................................ |   **Gợi ý PHT số 3**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 4:**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1 (từ dòng 29 đến dòng 32) | Nỗi đau xót khắc khoải của người cha khi bị bắt đi, không thể làm gì khác được, đành nhờ con thay mình làm tròn bổn phận với nước nhà | | Phần 2 (từ dòng 33 đến dòng 48) | Niềm tự hào của người cha khi nhắc con nhớ lại những chiến công hào hùng đánh giặc giữ nước trong lịch sử và bổn phận giữ gìn giang sơn của mỗi thế hệ | | Phần 3 (từ dòng 49 đến dòng 64) | Cảm xúc tha thiết, mãnh liệt khi nhấn mạnh trách nhiệm của con là trang nam nhi đầu đội trời chân đạp đất, phải sống sao cho không hổ thẹn với lịch sử, với tổ tiên, với đấng sinh thành |   **Câu 5:**  a.  - Chủ đề: Lòng yêu nước và niềm đau đáu với vận mệnh dân tộc của người cha.  - Cảm hứng chủ đạo: Ca ngợi tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc và thể hiện sự đồng tình với quan niệm của người cha về bổn phận của kẻ “làm trai” đối với vận mệnh nước nhà.  b. Căn cứ xác định: Từ ngữ, hình ảnh, cách gieo vần, ngắt nhịp, điệp từ, điệp ngữ, cảm hứng chủ đạo,...  **Câu 6:** Thông điệp của VB là hãy sống xứng đáng với lịch sử oai hùng của dân tộc, kì vọng của đấng sinh thành, và trách nhiệm của mỗi con người (không phân biệt gái - trai) trong xã hội. | | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

- Rút ra được cách đọc VB thơ song thất lục bát.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  - Em hãy rút ra một số lưu ý khi đọc thơ song thất lục bát.  \* *Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trưng bày sản phẩm tại góc học tập của lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  - Nội dung:  Qua đoạn trích “Hai chữ nước nhà”, Á Nam trần Tuấn Khải đã mượn một câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm lớn để bộc lộ cảm xúc của mình và khích lệ lòng yêu nước, ý chí cứu nước của đồng bào. Tình cảm sâu đậm, mãnh liệt đối với nước nhà.  - Nghệ thuật: - Bài thơ sử dụng thành công thể thơ song thất lục bát, phù hợp để diễn tả những cảm xúc của tâm hồn, những tâm sự cần mọi người chia sẻ.  - Giọng điệu da diết thông thiết và có sức gợi cảm mạnh mẽ  **2. Một số lưu ý khi đọc thơ song thất lục bát**  - Chỉ ra đặc điểm của thể thơ trong bài thơ: vần, nhịp,...  - Xác định [chủ](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-cd/) đề, bố cục, mạch cảm xúc của bài thơ và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài.  - Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng.  - Chú ý nhịp điệu bài thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm.  -... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Cờ đỏ sao vàng”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Cờ đỏ sao vàng” (trả lời đúng sẽ cắm cờ ở các vị trí: Đảo Hoàng Sa, Trường Sa, nhà giàn DK1, Cột cờ Lũng Cú, Quảng trường Ba Đình, mũi Cà Mau,...)  Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn bát cú đường luật  B. Lục bát  **C.** Song thất lục bát  D. Ngũ ngôn  Câu 2: Bài thơ Hai chữ nước nhà mượn đề tài lịch sử thời kỳ nào?  A. Thời quân Tống xâm lược nước ta  **B.** Thời quân Minh xâm lược nước ta  C. Thời quân Thanh xâm lược nước ta  D. Thời nhà Hán nước ta  Câu 3: Về cách gieo vần, tiếng cuối của dòng lục hiệp với tiếng thứ mấy trong dòng bát?  A. Tiếng thứ năm.  **B.** Tiếng thứ sáu.  C. Tiếng thứ bảy.  D. Tiếng thứ tám.  Câu 4: Mỗi khổ thơ trong văn bản gồm bao nhiêu dòng?  A. 2 dòng.  B. 3 dòng.  **C.** 4 dòng.  D. 5 dòng.  Câu 5: Vần của tiếng cuối dòng thất đầu tiên và tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo là vần gì?  A. Vần bằng.  **B.** Vần trắc.  C. Vần lưng.  D. Không vần.  Câu 6:  Em hãy cho biết, các từ ngữ làm tăng sức cảm hóa, thuyết phục trong bài thơ như: “giang san gánh vác, cậy, ngọn cờ độc lập máu đào con giây,…” thể hiện điều gì?  A. Sự bi quan về tương lai đất nước.  **B.** Tình cảm yêu nước nồng nàn, sâu sắc của người cha.  C. Sự chán nản trước khó khăn.  D. Mong muốn từ bỏ trách nhiệm với đất nước.  Câu 7: Bài thơ là lời dặn dò của ai với ai?  **A.** Của cha với con trai  B. Của cha với con gái  C. Của mẹ với con trai  D. Của mẹ với con gái  Câu 8: Khổ thơ sau thể hiện tâm trạng gì của nhân vật người cha?  *Cha xót phận tuổi già sức yếu,*  *Lỡ sa cơ đành chịu bó tay,*  *Thân lươn bao quản vũng lầy*  *Giang san gánh vác sau này cậy con.*  A. Thể hiện tâm trạng lo lắng, băn khoăn  B. Thể hiện tâm trạng hy vọng, mong chờ  **C.** Thể hiện tâm trạng buồn nhưng tin cậy vào con.  D. Thể hiện tâm trạng vui vẻ, lạc quan.  Câu 9: Hình ảnh nào được tác giả sử dụng để mô tả tình cảnh khó khăn của người cha?  A. Con thuyền lênh đênh  B. Cánh chim lạc bầy  **C.** Thân lươn trong vũng lầy  D. Chiếc lá rơi  Câu 10: Tác giả nhắc đến những anh hùng dân tộc nào trong bài thơ?  A. Trần Hưng Đạo và Lê Lợi  **B.** Trưng Nữ và Trần Hưng Đạo  C. Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền  D. Hai Bà Trưng và Nguyễn Huệ  Câu 11: Tác giả sử dụng hình ảnh nào để ca ngợi tinh thần chiến đấu của Trưng Nữ?  A. Mây trôi gió cuốn  B. Sóng dữ ba đào  **C.** Phận liễu bồ xoay với cuồng phong  D. Lửa hồng thiêu đốt  Câu 12: Em hãy cho cảm hứng chủ đạo của văn bản.  A. Lo lắng cho vận mệnh đất nước và hy vọng vào thế hệ trẻ  B. Đau xót trước cảnh nước mất nhà tan và khát vọng giải phóng  **C.** Ca ngợi tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc  D. Sự đau xót, tiếc nuối, bất lực  Câu 13: Chủ đề của văn bản là gì?  **A.** Lòng yêu nước và niềm đau đáu với vận mệnh dân tộc  B. Trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước  C. Truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam  D. Chiến tranh.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn

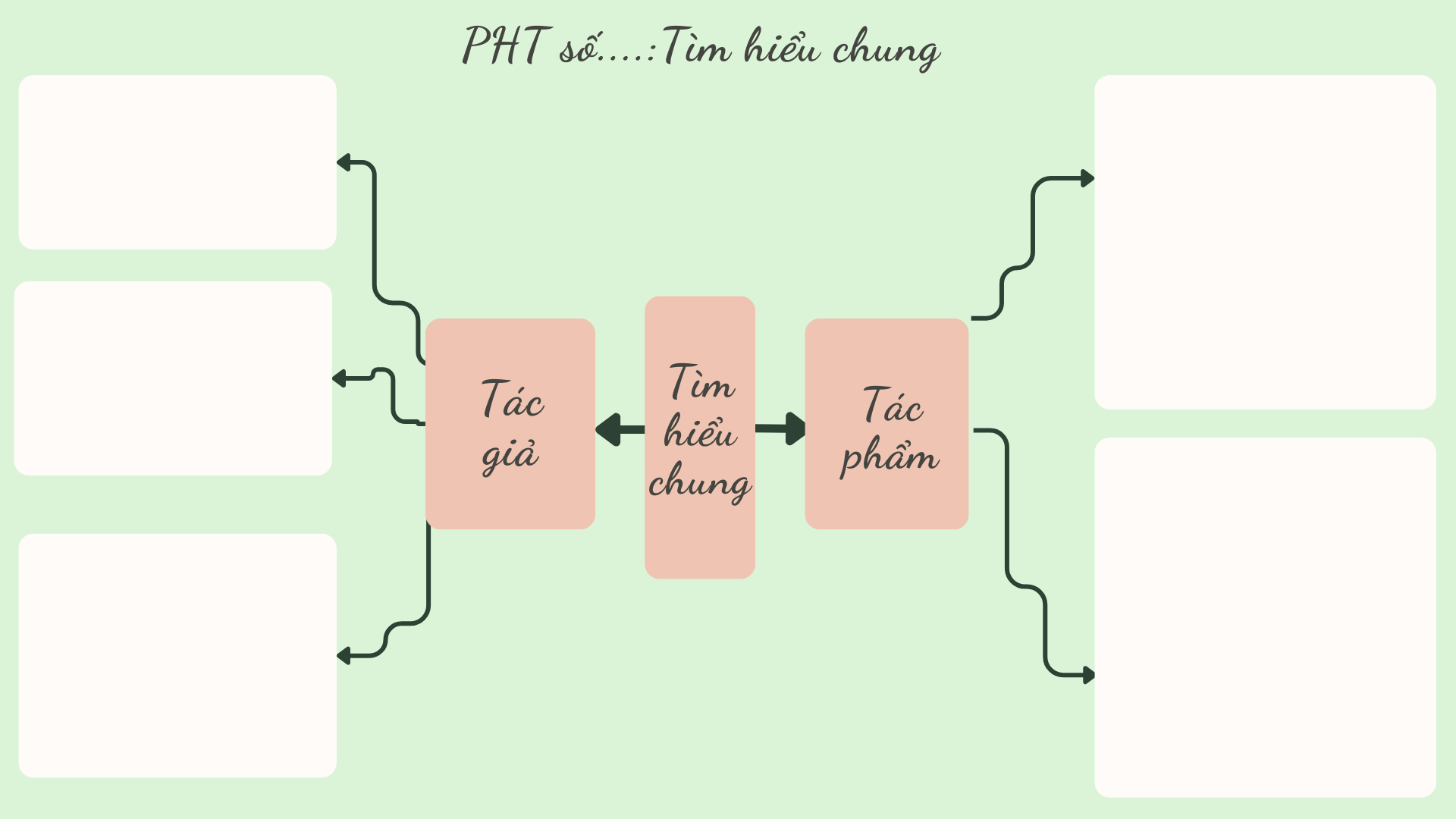
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Viết một đoạn văn (khoảng 7-9 dòng) trình bày suy nghĩ trách nhiệm của người trẻ đối với đất nước hôm nay.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán câu trả lời lên bảng học tập của lớp.  *\* Kết luận, nhận định*  *-* GV chọn đọc ngẫu nhiên một số đoạn văn của Hs  - Gv nhận xét về sản phẩm của Hs | Hs viết đoạn văn |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**BÀI 8**

**NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

(Thơ song thất lục bát - 12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 102**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**BỨC THƯ TƯỞNG TƯỢNG**

**(Lí Lan)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Liên hệ, kết nối với VB *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ* và *Hai chữ nước nhà* để hiểu hơn về chủ điểm *Những cung bậc tình cảm.*

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. KIẾN THỨC**

Hiểu thêm về chủ điểm *Những cung bậc tình cảm.*

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy tưởng tượng mình được gặp một người mà mình yêu thích hoặc được tặng món quà mà mình ao ước bấy lâu và chia sẻ cảm xúc đó cho mọi người cùng biết.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau củng tìm hiểu văn bản **Bức thư tưởng tượng**để trân trọng hơn những tình cảm và giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. | Gợi ý: Cảm xúc của em có thể là ngạc nhiên, hạnh phúc, xúc động,… |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Gv gọi 2 Hs đọc bài.  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  2 Hs đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cách đọc. | **1.1. Đọc**  - Cách đọc: chậm rãi, biểu cảm, phù hợp với cảm xúc của nhân vật.  **1.2. Tác giả và xuất xứ văn bản**  **a. Tác giả**  - Lý Lan: sinh năm 1957, nhà văn, nhà thơ, dịch giả; về dịch, bà được đông đảo bạn đọc thiếu nhi biết đến với tư cách dịch giả của bộ truyện Ha-ry Pốt-tơ (Harry Potter), của J. K. Rao-linh (J. K. Rowling), do NXB Trẻ phát hành ở Việt Nam từ năm 2001.  **b. Xuất xứ văn bản**  - Văn bản Bức thư tưởng tượng trích từ “Miên man tùy bút”, NXB Văn Nghệ (2007). |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Liên hệ, kết nối với VB *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ* và *Hai chữ nước nhà* để hiểu hơn về chủ điểm *Những cung bậc tình cảm.*

- Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm đôi các câu hỏi 1,2,3 theo **PHT số 2**  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **Câu 1:** Một trong những yếu tố quyết định đường đời của nhân vật “tôi” là quyển sách có tựa đề *Lê Grăng Cơ,* tác giả Ét-mông-đô Đơ A-mi-xi, được Hà Mai Anh dịch là *Tâm hồn cao thượng.*  **Câu 2:** Trong bức thư tưởng tượng, nhân vật “tôi” bộc lộ tình cảm yêu thương sâu sắc và lòng tự hào về người cha nghèo khó nhưng lương thiện, rất mực yêu thương, chăm sóc cho con của mình.  **Câu 3:** Tác giả “viết nó và giấu kín, để chỉ một mình tôi đọc” vì đây là những tâm tư, nỗi niềm sâu kín mà tác giả không muốn chia sẻ trực tiếp với ai. |
| **PHT số 2**   |  | | --- | | **Câu 1:** Một trong những yếu tố quyết định đường đời của nhân vật “tôi” là gì?  ……………………………………………………………………………………...............................................……...........................................................................  **Câu 2:** Nhân vật “tôi” đã bộc lộ nỗi niềm gì đối với người cha trong bức thư tưởng tượng?  …………………………………………………………………………...............................................………………...........................................................................  **Câu 3:** Theo em, vì sao tác giả lại “viết nó và giấu kín, để chỉ một mình tôi đọc”?  ………………………………………………………………...............................................…………………………........................................................................... | | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* 2,3 Hs trả lời, Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét. | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Câu chuyện kể về nhân vật tôi viết một bức thư nhưng bức thư ấy được giấu kín. Qua đó thể hiện niềm tự hào, mong muốn khao khát, yêu thương, được sống trong một gia đình hạnh phúc  - Nghệ thuật:  + Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc  + Nghệ thuật miêu tả nhân vật sinh động  +... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Gia đình sum vầy”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Gia đình sum vầy”  Câu 1: Nhân vật “tôi” mô tả tuổi thơ của mình như thế nào?  A. Hạnh phúc và đầy đủ  B. Có nhiều bạn bè  **C.** Không có nhiều bạn bè để chơi cùng  D. Được nuông chiều  Câu 2: Điều gì là một trong những yếu tố quyết định đường đời của nhân vật “tôi”?  A. Một người thầy  **B.** Một quyển sách  C. Một người bạn  D. Một chuyến du lịch  Câu 3: Quyển sách mà nhân vật “tôi” nhắc đến có tên là gì?  A. Những tấm lòng cao cả  B. Tuổi thơ tươi đẹp  **C.** Tâm hồn cao thượng  D. Cuộc sống tươi đẹp  Câu 4: Nhân vật “tôi” đọc quyển sách đó như thế nào?  A. Chỉ đọc một lần  B. Đọc thuộc lòng từng chữ  **C.** Đọc để từng câu chuyện in sâu vào tâm khảm  D. Đọc qua loa  Câu 5: Nhân vật “tôi” bắt đầu làm gì sau khi đọc quyển sách?  A. Viết truyện ngắn  **B.** Viết nhật ký  C. Viết thơ  D. Viết tiểu thuyết  Câu 6: Ngoài những trang kể chuyện, trong sách còn có gì?  A. Những bài toán  B. Những bài hát  C. Những bức tranh  **D.** Những bài viết dưới hình thức bức thư của cha mẹ gửi con  Câu 7: Nhân vật “tôi” ao ước điều gì khi đọc những bức thư trong sách?  A. Có nhiều tiền  B. Có nhiều bạn  **C.** Có được người cha và người mẹ như trong sách  D. Được đi du lịch  Câu 8: Nhân vật “tôi” tưởng tượng ra người mẹ như thế nào?  A. Nghiêm khắc và cứng rắn  **B.** Xinh đẹp và tao nhã  C. Giản dị và chất phác  D. Xinh đẹp và giàu có  Câu 9: Tại sao nhân vật “tôi” tự do tưởng tượng về người mẹ?  **A.** Vì mẹ nhân vật “tôi” đã mất  B. Vì mẹ nhân vật “tôi” ở xa  C. Vì nhân vật “tôi” không thích mẹ mình  D. Vì mẹ nhân vật “tôi” quá bận rộn  Câu 10: Nhân vật “tôi” làm gì với bức thư sau khi viết?  A. Đưa cho cha đọc  B. Đốt đi  **C.** Giấu kín  D. Đăng lên báo  Câu 11: Quyển sách đã ảnh hưởng như thế nào đến nhân vật “tôi”?  A. Khiến nhân vật “tôi” thích đọc sách hơn  **B.** Trở thành nguồn năng lượng và ánh sáng  C. Giúp nhân vật “tôi” kiếm được nhiều tiền  D. Khiến nhân vật “tôi” ghét cha mẹ mình  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức: | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Hsrút ra được bài học nào có ý nhất đối với bản thân.

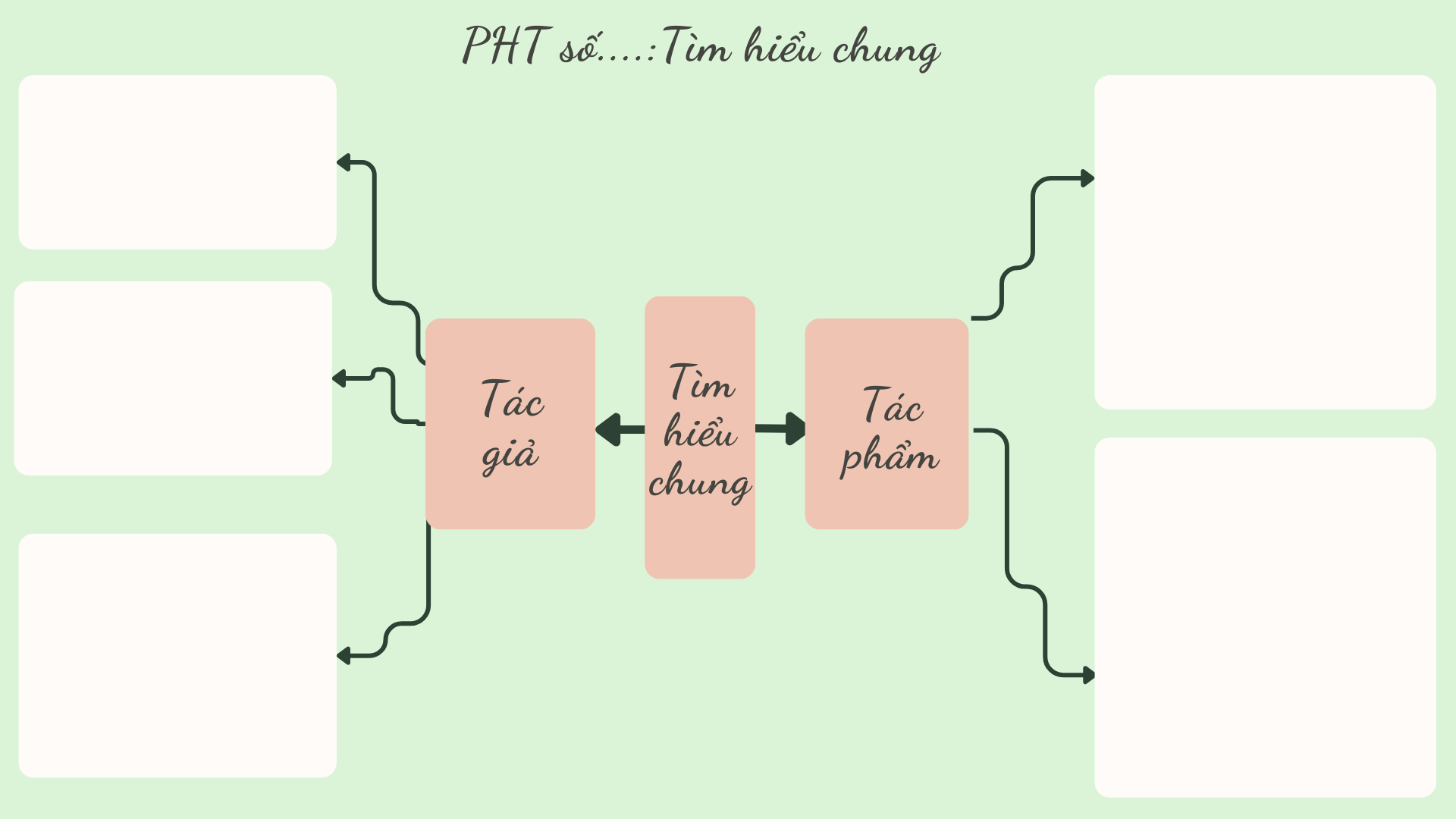
***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời/đoạn văn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em có thường xuyên chia sẻ suy nghĩ, tình cảm với người thân hay không? Nếu có, em chia sẻ bằng cách nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs. | GV hướng dẫn HS tự thực hiện. Gợi ý: Thường chia sẻ bằng cách trò chuyện trực tiếp, gửi tin nhắn, hoặc chia sẻ qua các mạng xã hội như Facebook, Zalo, hoặc Instagram. Chia sẻ suy nghĩ và tình cảm giúp em gắn kết và tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp với người thân yêu.  ... |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**BÀI 8**

**NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

(Thơ song thất lục bát - 12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 103**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

*Tì bà hành*

*(Bạch Cư Dị)*

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. KIẾN THỨC**

- Một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Một số yếu tố của thơ như: từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Cách đọc hiểu thơ song thất lục bát.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:* Đọc một câu ca dao/ thơ viết về số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến và chia sẻ suy nghĩ của em về số phận của họ.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài mới: Thời đại phong kiến trọng nam khinh nữ, đầy rẫy những sự bất công oan trái. Bị ảnh hưởng và phải chịu đựng nhiều nhất chính là người phụ nữ. thế nhưng, những người phụ nữ ấy vẫn luôn xinh đẹp, nết na, giàu lòng thương yêu và hết mực quan tâm đến mọi người xung quanh. Ta có thể bắt gặp lại hình ảnh của họ qua các tác phẩm văn học, một trong số đó là bài thơ “Tì bà hành” của Bạch Cư Dị. | *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*  *Bảy nổi ba chìm với nước non*  (Hồ Xuân Hương, *Bánh trôi nước*) |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv hướng dẫn Hs đọc văn bản và tìm hiểu về tác giả tác phẩm theo **PHT số 1**  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc. | **1.1. Đọc**  - Cách đọc: tốc độ đọc chậm rãi, trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ, đọc diễn cảm (ngữ điệu, ngắt nhịp, tốc độ, nhấn giọng…) để thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình.  **1.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Bạch Cư Dị (772-846) là nhà thơ nổi tiếng thời nhà Đường và được coi là người đóng vai trò quan trọng trong lịch sử thơ ca Trung Quốc.  - Ông chủ trương thơ ca phải gắn với đời sống, phản ánh được hiện thực xã hội.  **b. Tác phẩm**  - Ti bà hành là một trong những tác phẩm lớn của Bạch Cư Dị, được ông sáng tác trong khoảng thời gian vừa bị cách chức, đày làm Giang Châu Tư mã.  - Bài thơ mang đậm tính hiện thực và tinh thần nhân văn, thể hiện lòng thương người, sự đồng cảm với những mảnh đời bất hạnh, đồng thời nói lên tâm sự, nỗi lòng của chính nhà thơ. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận **PHT số 2**  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định.* |  |
| **PHT số 2**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1:** Tìm hiểu tiếng đàn và cách miêu tả tiếng đàn trong VB.  Phân tích cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh khác nhau để thể hiện cảm xúc của người ca nữ trong những lần nàng đánh đàn:   |  |  | | --- | --- | | **Các lần đánh đàn** | **Nghệ thuật miêu tả tiếng đàn** | | Lần thứ nhất | … | | Lần thứ hai | … | | Lần thứ ba | … |   b. Có thể xem tác giả - người nghe đàn là tri âm của người ca nữ đánh đàn được không? Căn cứ vào đâu để có thể khẳng định như vậy?  ………………………………………………………………………………………….........................................................................................................................  **Câu 2:** Nêu mạch cảm xúc của VB.   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1 (từ dòng 1 đến dòng 12) |  | | Phần 2 (từ dòng 13 đến dòng 40) |  | | Phần 3 (từ dòng 77 đến dòng 88) |  | | ... |  |   **Câu 3:** Xác định chủ đề và cảm hứng chủ đạo của VB.  ………………………………………………………………………………………….........................................................................................................................  **Câu 4:** Nêu thông điệp của VB.  ………………………………………………………………………………………….........................................................................................................................  **Câu 5:** Chọn một đoạn thơ (từ tám đến mười hai dòng) trong bài thơ và làm rõ một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn đó.  …………………………………………………………………………………………......................................................................................................................... |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1:**  a. Phân tích cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh khác nhau để thể hiện cảm xúc của người ca nữ trong những lần đánh đàn:   |  |  | | --- | --- | | **Các lần đánh đàn** | **Nghệ thuật miêu tả tiếng đàn** | | Lần thứ nhất | Tiếng đàn được tả văng vẳng từ xa: “Đàn ai nghe vẳng ven sông” và im bặt khi có người hỏi thăm: “Dừng dây tơ nấn ná làm thinh”. | | Lần thứ hai | Khi người ca nữ được mời đến đàn, tiếng đàn đã gần kề ngay bên tai, ngay trước mặt “Vặn đàn mấy tiếng dạo qua/ Dẫu chưa nên khúc tình đà thoảng bay”; đồng thời được miêu tả cụ thể, trực tiếp: “Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt/ Trước *Nghê thường* sau thoắt *Lục yêu”.* Tiếng đàn biến hoá linh hoạt không ngừng, lúc được ví như mưa rào, như câu chuyện thầm thì, như hạt châu nảy trên mâm ngọc, như tiếng chim hót, như nước suối tuôn; lúc lại như xé lụa: “Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước/ Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao”... Tiếng đàn ấy “não ruột”, muốn “giãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn”, trải lòng về một cuộc đời sóng gió, thăng trầm của người ca nữ.  => Những câu thơ miêu tả âm thanh nhưng lại tràn ngập hình ảnh, đắm đuối, mê say, rung động lòng người. Cả người nghe lẫn người diễn tấu đều bị chinh phục bởi sức mạnh kì diệu của tiếng đàn. | | Lần thứ ba | Sau khi kể về cuộc đời mình, người ca nữ “Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây”, tiếng đàn lại vang lên “Nghe não ruột khác tay đàn trước/ Khắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi”. Lúc này, cảm xúc của người ca nữ đã nhận được sự đồng cảm của Giang Châu Tư mã, tức tác giả Bạch Cư Dị. Cảm xúc của người diễn tấu và người nghe đã hoà làm một, đạt đến sự đồng điệu. |   b. Tác giả - người nghe đã tiếp nhận tiếng đàn từ xa đến gần, tiếng đàn lúc đầu là đối tượng thưởng thức, sau đã trở thành sự đồng điệu, đồng cảm, hoà làm một với tâm tình tác giả. Giang Châu Tư mã hiểu cuộc đời thăng trầm, vất vả của người ca nữ, rồi ngẫm đến cuộc  đời cũng đầy gian truân, lận đận của bản thân. Tác giả trông người mà ngẫm đến mình, không ngăn được nước mắt rơi.  🡪 Có thể xem tác giả - người nghe đàn là tri âm của người ca nữ đánh đàn.  **Câu 2:** Mạch cảm xúc của VB không tách khỏi bố cục của VB. Câu này GV có thể gợi ý HS trả lời như sau:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1  (từ dòng 1 đến dòng 12) | Nỗi buồn man mác trong khung cảnh khuya trên bến Tầm Dương văng vẳng tiếng đàn | | Phần 2  (từ dòng 13 đến dòng 40) | Cảm xúc trào dâng theo tiếng đàn nhiều cung bậc như chính cuộc đời ba chìm bảy nổi của người ca nữ. | | Phần 3  (từ dòng 77 đến dòng 88) | Cảm xúc lắng đọng của những người đồng điệu, tri âm |   **Câu 3:**  - Chủ đề: Sự đồng cảm với nỗi niềm và thân phận người ca nữ.  - Cảm hứng chủ đạo: Cảm hứng về sự đồng điệu của những cảm xúc đẹp đẽ, sâu lắng giữa người chơi đàn và người nghe đàn.  **Câu 4:** Thông điệp: Nghệ thuật cần có sự đồng cảm giữa người nghệ sĩ và người thưởng thức.  **Câu 5:** GV hướng dẫn HS tự thực hiện. Gợi ý:  Một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn:  - Thể thơ: Mỗi câu thơ có số tiếng theo đúng quy định:  + Hai câu đầu (câu 1 và 2) có 7 tiếng (câu thất).  + Hai câu tiếp theo (câu 3 và 4) có 7 tiếng (câu thất).  + Hai câu tiếp theo nữa (câu 5 và 6) có 6 tiếng (câu lục).  + Hai câu cuối cùng (câu 7 và 8) có 8 tiếng (câu bát).  - Cách gieo vần:  + Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc): khách – lách.  + Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng): hiu – chèo.  + Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng): chèo – chiều.  + Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng): ti – khi. | | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân để khái quát nội dung và nghệ thuật của VB

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Bài thơ như một bản đàn đầy tính nhân văn, là tiếng lòng cảm thương đậm chất nhân văn của nhà thơ đối với tài năng bị cuộc đời vô tình lãng quên. Qua tiếng đàn tài hoa và số phận lận đận của người ca nữ, nhà thơ đã bộc lộ tâm sự về cuộc đời, về nhân sinh.  - Nghệ thuật:  + Sử dụng thành công thể thơ song thất lục bát.  + Giọng điệu da diết thông thiết và có sức gợi cảm mạnh mẽ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Người bạn của tâm hồn”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Gv tổ chức trò chơi “Người bạn của tâm hồn” (Trả lời đúng tặng một nhạc cụ)  Câu 1: Bài thơ Tì bà hành của Bạch Cư Dị được viết theo thể thơ nào?  **A.** Song thất lục bát.  B. Thất ngôn bát cú Đường luật.  C. Thơ cổ thể.  D. Thất ngôn tứ tuyệt.  Câu 2: Qua tiếng đàn Tì bà hành, Bạch Cư Dị muốn gửi gắm điều gì?  A. Cảnh biệt ly đau đớn.  **B.** Số phận của người ca nữ  C. Những oan trái chồng chất  D. Nỗi niềm xa xứ  Câu 3: Trong văn bản, người ca nữ đã đàn bao nhiêu lần?  **A.** 3 lần  B. 4 lần  C. 5 lần  D. 6 lần  Câu 4: Lần đàn đầu tiên được miêu tả như thế nào?  A. Tiếng đàn vang lớn.  **B.** Tiếng đàn văng vẳng từ xa.  C. Tiếng đàn ngay bên tai.  D. Tiếng đàn im bặt.  Câu 5: Câu thơ nào miêu tả âm thanh tiếng đàn trong lần đàn thứ hai?  A. "Đàn ai nghe vẳng ven sông"  B. "Dùng dây tơ nấn ná làm thinh"  **C.** "Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước"  D. "Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây"  Câu 6: Trong lần đàn thứ ba, cảm xúc của người ca nữ được miêu tả như thế nào?  A. Vui vẻ, phấn khởi.  B. Bình thản, vô cảm.  **C.** Não ruột, sướt mướt.  D. Tức giận, bất mãn.  Câu 7: "Tri âm" trong bài thơ “Tì bà hành” được hiểu là gì?  A. Nghe tiếng đàn hay.  **B.** Nghe tiếng đàn mà hiểu tiếng lòng của người chơi đàn.  C. Người biết chơi đàn giỏi.  D. Người có thính giác tốt.  Câu 8: Chủ đề của bài thơ là gì?  A. Tình yêu và sự đau khổ.  B. Những hình ảnh thiên nhiên đẹp đẽ.  C. Sự trải nghiệm và cảm xúc của nhân vật chính.  **D.** Sự đồng cảm với nỗi niềm và thân phận của người ca nữ  Câu 9: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?  A. Cảm hứng về sự khao khát tự do và giải thoát.  B. Cảm hứng về những thử thách và gian nan trong cuộc sống.  C. Cảm hứng về vẻ đẹp và sự hoàn mỹ của thiên nhiên.  **D.** cảm hứng về sự đồng điệu giữa cảm xúc đẹp đẽ và sâu lắng giữa người chơi đàn và người nghe đàn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn

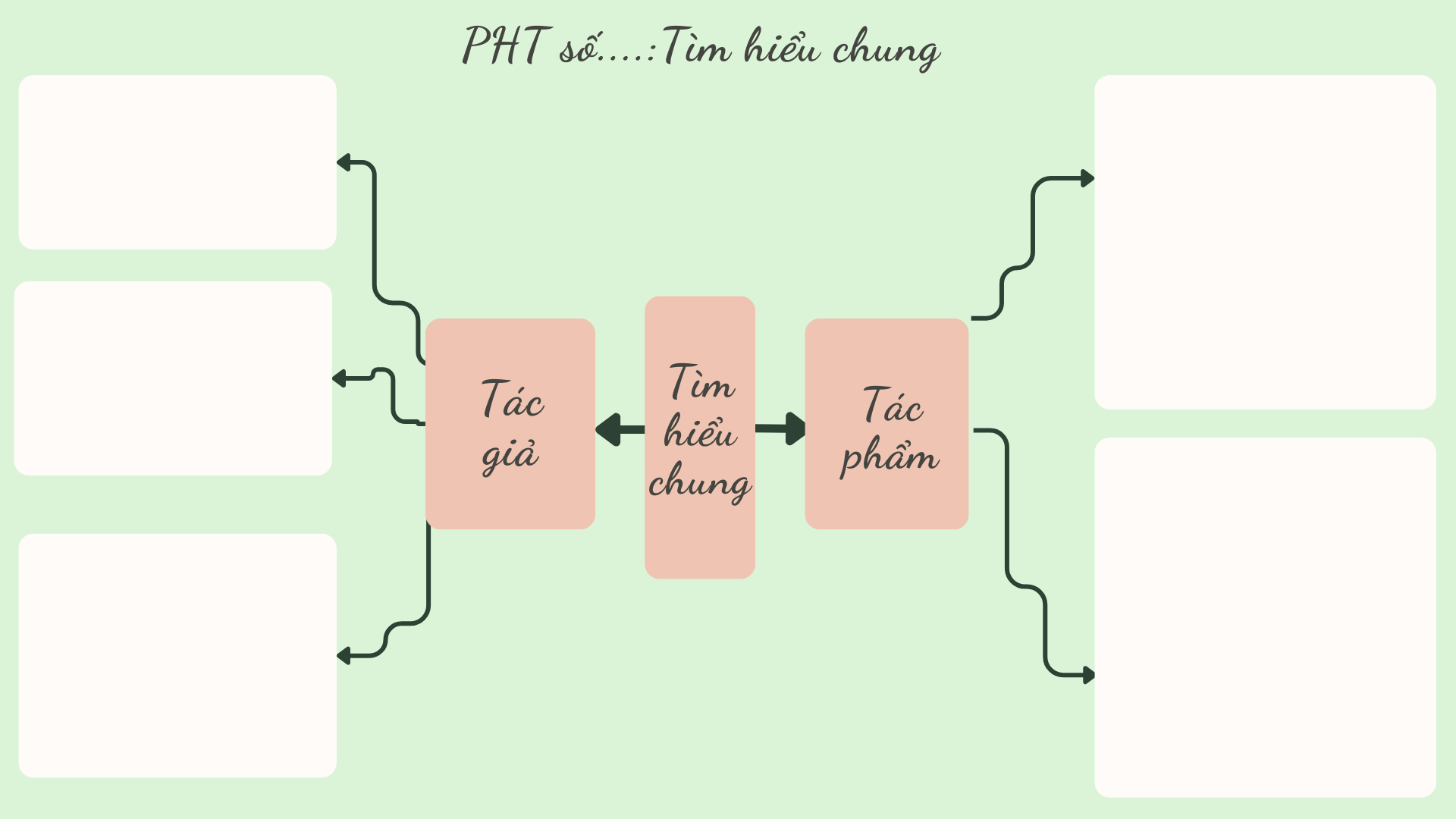
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Viết đoạn văn chia sẻ về đoạn văn mà em ấn tượng nhất trong văn bản  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs | Đoạn văn của Hs |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**Tiết theo PPCT: 104**

DẠY TIẾNG VIỆT

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT**

**SỰ KHÁC BIỆT VỀ NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT**

**DỄ GÂY NHẦM LẪN**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện trong việc làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động *Thực hành tiếng Việt.*

**2. Phẩm chất**

Có ý thức vận dụng hiểu biết về sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn vào việc học tập và đời sống hằng ngày.

**II. KIẾN THỨC**

Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Xác định được những nội dung muốn tìm hiểu về sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs so sánh 2 ngữ liệu

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Em hãy chỉ ra sự nghĩa của các yếu tố in đậm trong các từ Hán Việt sau:  + Luật **lệ**, hoa **lệ**  + **Trưởng** đoàn, **trưởng** thành  - Cách 2:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ dùng sai** | **Phương án sửa** | | Hai công ty đó đã được sát nhập từ năm ngoái. |  |  | | Chưa chăm chỉ là yếu điểm của anh ấy. |  |  | | Cô ấy sinh ra trong một gia đình trí thức. |  |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung: Các từ dùng sai trong các câu trên (cách 1) đều liên quan đến một số yếu tố Hán Việt. Để dùng từ đúng, cần hiểu được nghĩa của các từ Hán Việt và nhận biết được một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn. | Gợi ý  - Cách 1:  + Luật lệ: quy định, phép tắc  + Hoa lệ: lệ sự đẹp đẽ  + Trưởng đoàn: người đứng đầu  + Trưởng thành: phát triển, lớn lên  - Cách 2: phi (phi tử, phi pháp); tử (thiên tử, tử trận);...  - Cách 2:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ dùng sai** | **Phương án sửa** | | Hai trường học đó đã được sát nhập từ năm ngoái. | Sát nhập | Sáp nhập | | Chưa chăm chỉ là yếu điểm của anh ấy. | Yếu điểm | Điểm yếu | | Cô ấy sinh ra trong một gia đình tri thức. | Tri thức | Trí thức | |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức tiếng Việt và trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS làm việc theo nhóm:  - Đọc thông tin trang 65sgk và cho biết: Vì sao khi sử dụng từ Hán Việt cần phân biệt được các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa?  - Cho các ví dụ minh hoạ có sử dụng từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt đã học *(đồng, kì, minh).*  *-* Gv hướng dẫn cáchphân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện 1 – 2 trả lời  - Đại diện 1 - 2 nhóm HS cho ví dụ minh hoạ, các nhóm khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức tiếng Việt**  - Hiện tượng đồng âm khác nghĩa và đa nghĩa khá phổ biến trong các yếu tố Hán Việt, vì vậy, khi sử dụng từ Hán Việt, cần phân biệt được các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa, nhận biết được các nghĩa của cùng một yếu tố Hán Việt đa nghĩa.  - Ví dụ:  **Đồng**  **+** Sinh thời, Bác Hồ rất yêu thương và đặt sự kì vọng ở thiếu niên nhi đồng  + Vợ chồng nếu đồng cam cộng khổ sẽ vượt qua được mọi khó khăn thử thách.  **Kì**  + Động Phong Nha là món quà kì diệu mà tạo hóa ban tặng.  + Kì thị vùng miền là việc tuyệt đối nên tránh  **Minh**  + Nguyễn Trãi đã được Lê Thánh Tông minh oan.  + Thúy Kiều phải gác lại lời thệ hải minh sơn để làm tròn chữ hiếu.  - Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn:  1. Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận.  Ví dụ: di cư – di sản  + Yếu tố di trong di cư là chuyển đến nơi khác để sinh sống.  + Yếu tố di trong di sản là tài sản của người đã mất để lại.  2. Tra cứu từ điển: tìm hiểu cách giải nghĩa từng yếu tố kèm theo một số ví dụ về từ được từ điển nêu ra sẽ giúp ta nằm được nghĩa của yếu tố một cách chính xác. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

***b. Nội dung:*** Hs làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời của các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.  **Bài tập** **1:** Hãy xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt “đồng” trong các câu sau:  a. *Cuộc chiến giữa phe Đồng minh, dẫn đầu là Anh, Liên Xô, Mỹ và phe Trục phát xít gồm các thế lực chính Đức, Ý, Nhật Bản là cuộc chiến rộng và thảm khốc nhất trong lịch sử nhân loại.*  (Theo Phương Vũ, Thế chiến II- cuộc chiến khốc liệt nhất lịch sử nhân loại, https://vnexpress.net, ngày 7/5/2015)  b.  *Tiểu đồng thấy vậy thưa qua:*  *“Gẫm đây cho đến quê nhà còn lâu…”*  (Nguyễn Đình Chiểu, *Truyện Lục Vân Tiên*)  **Bài tập 2:** Các yếu tố Hán Việt “kì” trong các trường hợp dưới đây tương ứng với nghĩa nào? Hãy hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Nghĩa      Từ ngữ | Không tầm thường, lạ lùng | Khác nhau, sai biệt | Thời hạn, thời gian | Địa giới, cõi | Lá cờ | | Kì công |  |  |  |  |  | | Quân kì |  |  |  |  |  | | Học kì |  |  |  |  |  | | Kì thị |  |  |  |  |  | | Trung Kì (Trung Kỳ) |  |  |  |  |  |   **Bài tập 3:** Xác định nghĩa của từng yếu tố Hán Việt “minh” trong các trường hợp sau bằng cách đánh dấu X vào ô thích hợp (làm vào vở):   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Nghĩa    Từ ngữ | Sáng | Làm cho rõ | Sáng suốt | Thề | Ghi nhớ không quên | | Khắc cốt minh tâm |  |  |  |  |  | | Minh châu |  |  |  |  |  | | Biện minh |  |  |  |  |  | | Thệ hải minh sơn |  |  |  |  |  | | Minh mẫn |  |  |  |  |  |   Chỉ ra các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa, yếu tố Hán Việt đa nghĩa trong các trường hợp trên.  **Bài tập 4:** Giải thích các từ ngữ Hán Việt sau:  - Bình minh  - Văn tinh  - Hắc bạch phân minh  **Bài tập 5:** Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ ngữ Hán Việt sau:  - Tương đồng / đồng thời  - Đồng thoại / đồng dao  - Đồng bệnh tương lân / đồng cam cộng khổ  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện một số nhóm lần lượt trình bày kết quả của từng bài tập, nhóm khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS | **Bài tập 1:**  **-** *“đồng”* (chữ Hán viết “同”), có nghĩa “cùng, cùng nhau”.  - “*đồng*” (chữ Hán viết “童”), có nghĩa “đứa trẻ”.  **Bài tập 2:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **Không**  **tầm thường,**  **lạ lùng** | **khác nhau, sai biệt** | **kì hạn, thời gian** | **địa giới, cõi** | **lá cờ** | | *kì công* | X |  |  |  |  | | *quân kì* |  |  |  |  | X | | *học kì* |  |  | X |  |  | | *kì thị* |  | X |  |  |  | | *Trung Kì (Kỳ)* |  |  |  | X |  |   **Bài tập 3:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **sáng** | **làm cho rõ** | **sáng suốt** | **thề** | **ghi nhớ không quên** | | *khắc cốt minh tâm* |  |  |  |  | X | | *minh châu* | X |  |  |  |  | | *biện minh* |  | X |  |  |  | | *thệ hải minh sơn* |  |  |  | X |  | | *minh mân* |  |  | X |  |  |   - Yếu tố Hán Việt “*minh*” trong “*minh châu, biện minh, minh mẫn*” là yếu tố Hán Việt đa nghĩa với các nghĩa: “sáng; làm cho rõ; sáng suốt”.  - Yếu tố “*minh*” trong “*thệ hải minh sơn* và yếu tố “*minh*” trong “*khắc cốt minh tâm*” là các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa.  **Bài tập 4:** Giải thích các từ ngữ Hán Việt:  *- Bình minh:* là lúc trời vừa hửng sáng, còn gọi là rạng đông hay hừng đông. “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”.  *- Văn minh:* là trạng thái tiến bộ về cả vật chất lẫn tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá. “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”.  *- Hắc bạch phân minh:* “hắc” nghĩa là “đen”, “bạch” nghĩa là “trắng”, “phân” nghĩa là “phân biệt, phân định”, “minh” ở đây mang nghĩa “làm cho rõ”. Như vậy, “hắc bạch phân minh” được hiểu là “phân biệt cho rõ trắng đen”.  **Bài tập 5:** Phân biệt ý nghĩa các cặp từ Hán Việt:  *- Tương đồng/ đồng thời:* Cặp từ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “cùng, cùng nhau”. “Tương đồng” nghĩa là “giống nhau”, “đồng thời” nghĩa là “cùng một lúc”.  *- Đồng thoại/ đồng dao:* Cặp từ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “đứa trẻ”. “Đồng thoại” để chỉ truyện viết cho trẻ em nói chung, “đồng dao” để chỉ những bài hát, thơ ca dân gian truyền miệng của trẻ em.  *- Đồng bệnh tương lân/ đồng cam cộng khổ:* Cặp từ ngữ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “cùng, cùng nhau”. “Đồng bệnh tương lân” (hay “đồng bệnh tương liên”) có nghĩa đen là “cùng có bệnh (giống nhau) thì thương xót lẫn nhau”, nghĩa bóng là khi người ta ở cùng một hoàn cảnh giống nhau thì người ta thông cảm với nhau, hiểu cho nhau. “Đồng cam cộng khổ” có nghĩa đen là “cùng hưởng vị ngọt, cùng nếm vị đắng”, nói rộng ra là khi vui sướng cũng như lúc khó khăn đều luôn cận kề sát cánh, chia sẻ cùng nhau, trong mọi hoàn cảnh đều có nhau. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** HS lập từ điển phân biệt một số yếu tố Hán Việt đồng âm dễ nhầm lẫn.

***c. Sản phẩm*:** Bảng từ điểncủa Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: GV yêu cầu HS lập từ điển phân biệt một số yếu tố Hán Việt đồng âm dễ nhầm lẫn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS làm việc theo nhóm (thực hiện ở nhà).  *\* Báo cáo thảo luận: HS nộp sản phẩm vào nhóm lớp (nếu làm bản mềm) hoặc nộp trực tiếp cho GV*  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của HS | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Nghĩa** | **Ví dụ** | | Thảo 1 | Cỏ, chỉ thực vật | Thảo mộc | | Thảo 2 | Viết phác ra, sau đó xem xét, chỉnh sửa và hoàn thiện | Phác thảo | | Thảo 3 | Rộng rãi, có lòng tốt, hay chia sẻ, nhường nhịn cho người khác | Hiếu thảo | | Di 1 | Chuyển động, dời từ nơi này sang nơi khác | Di cư, di chuyển | | Di 2 | Tài sản được để lại | Di sản | | Sinh 1 | Đẻ ra, tạo thành | Sinh thành, sinh sản | | Sinh 2 | Học trò | Học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh | | Bằng 1 | Ngang, đều | Công bằng | | Bằng 2 | Bạn | Bằng hữu | |

**BÀI 8**

**NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

**Tiết theo PPCT: 108,109**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Biết viết bài bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: Phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**2. Phẩm chất**

Bồi dưỡng tình cảm thẩm mĩ đối với những tác phẩm văn học đặc sắc.

**II. KIẾN THỨC**

- Các yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

- Cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Kể tên và đọc thuộc bài thơ mà em ấn tượng nhất và chia sẻ lí do em ấn tượng bài thơ đó.  - HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* (trong SGK), tên đề mục phần kĩ năng viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập: Ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* Ấn tượng về một tác phẩm mới chỉ là những chia sẻ, cảm nhận dựa trên bề nổi của tác phẩm. Để có những đánh giá sâu sắc về tác phẩm và giúp người đọc hiểu về về tác phẩm ấy, hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục kiểu bài: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. | - Mẹ vắng nhà ngày bão  - Viếng lăng Bác  - Mùi lá nếp thơm  -... |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được những hiểu biết về kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (đã học ở Bài 2. *Giá trị của văn chương, Ngữ văn 9,* tập một).

***b. Nội dung:*** HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Thế nào là bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học? Nêu bố cục của bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*  - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - Các HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới. | **I. Tri thức về kiểu bài**  - Khái niệm: Phân tích một tác phẩm văn học (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó) thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Phân tích được đặc điểm của kiểu bài thể hiện qua ngữ liệu tham khảo, từ đó khái quát được đặc điểm của kiểu bài.

***b. Nội dung:*** HS đọc và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) HS đọc VB “Bài văn phân tích, đánh giá tác phẩm *Trong lời mẹ hát* (Trương Nam Hương)”, đối chiếu các chỉ dấu trong VB với khung phân tích bố cụ c và đặc điểm của kiểu VB bên lề phải trang sách.  (2) Trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.  Câu 1: Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.  Câu 2: Nhận xét về cách văn bản phân tích các khía cạnh nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật.  Câu 3: Theo em, phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm thơ khác gì so với tác phẩm truyện?  Câu 4: Từ văn bản trên, em rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật và hiệu quả thấm mĩ của nó?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm đôi HS trình bày ý kiến trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, góp ý và nêu câu hỏi (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cho câu trả lời của HS | **Câu 1:**  Luận đề: Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Trong lời mẹ hát*  (Trương Nam Hương)  Luận điểm 1: Chủ đề ý nghĩa  lời ru và các khía cạnh nội dung  của chủ đề  Luận điểm 2: Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng thể hiện chủ đề  **Câu 2:** Cách VB phân tích các khía cạnh nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật: Với luận điểm về chủ đề của tác phẩm, đầu tiên, người viết nêu chủ đề và một số căn cứ để xác định chủ đề. Sau đó, người viết lần lượt phân tích, làm rõ từng khía cạnh nội dung của chủ đề bằng cách đưa ra các lí lẽ và bằng chứng lấy từ tác phẩm. Tương tự, với luận điểm những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật, người viết cũng sử dụng lí lẽ và bằng chứng lấy từ tác phẩm để phân tích, đánh giá hiệu quả thẩm mĩ của hai nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ là hình ảnh thơ và âm hưởng toàn bài thơ.  **Câu 3:** Về cơ bản, kiểu bài phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm thơ khác với tác phẩm truyện ở chỗ đặc điểm hình thức của thể loại. Đối với thơ, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật thể hiện ở từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...; còn đối với truyện là cốt truyện, tình huống, nhân vật, ngôi kể, sự việc, chi tiết nghệ thuật,.  **Câu 4:** HS trả lời câu hỏi dựa trên trải nghiệm cá nhân.  Gợi ý: Khi viết bài bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ, cần chú ý phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được đề tài, mục đích viết, người đọc, cách thu thập tư liệu cho bài viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc đề bài trong SGK, mục *Hướng dẫn quy trình viết* trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc đề bài trong SGK, mục *Hướng dan quy trình viết* và trả lời các câu hỏi dưới đây để xác định đề tài, mục đích viết, người đọc, cách thu thập tư liệu cho bài viết:  - Đề tài bài viết là gì?  - Em dự định viết bài này cho ai đọc, nhằm mục đích gì?  - Em cần thu thập những thông tin gì về tác phẩm thơ? Những thông tin đó có thể tìm được ở đâu và thu thập bằng cách nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS suy nghĩ câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | Đề bài: [Hãy viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích, làm rõ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/hay-viet-bai-van-nghi-luan-phan-tich-mot-bai-tho-ma-em-yeu-thich.jsp) |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại lớp và tại nhà)**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ) .

***b. Nội dung:*** Hs hoàn thiện các PHT

***c. Sản phẩm:*** Phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý, truyện kể sáng tạo (có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm).

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết theo **PHT số 1**  - Dựa vào cột 2 trong PHT số 1, Hs lập dàn ý cho bài viết theo **PHT số 2**  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Bước 1: Tìm ý** (PHT số 1)  **Bước 2: Lập dàn ý** (PHT số 2)  **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1 Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách xem lại và chỉnh sửa đoạn văn của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

***b. Nội dung:*** Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm.

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) HS trao đổi bài viết theo nhóm đôi, dựa vào bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ để đánh giá, nhận xét bài viết cho nhau.  (2) HS đọc bài viết của mình trên lớp, các HS khác nhận xét bài của bạn dựa vào bảng kiểm.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:*  (1) HS làm việc theo nhóm đôi để đánh giá bài viết của nhau.  (2) Cá nhân HS chuẩn bị đọc bài viết để các bạn khác nhận xét.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày kết quả đánh giá lẫn nhau.  (2) Đại diện 1 - 2 HS đọc bài viết trước lớp và các HS khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét | GV nhận xét trên hai phương diện:  - Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  - Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ.

***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ.

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm bản thân đã rút ra sau khi kết thúc tiết học.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng được quy trình viết nghị luận phân tích một bài thơ vào việc tạo lập VB.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***b. Nội dung:*** Hs chỉnh sửa bài viết

***c. Sản phẩm:*** Bài viết đã được chỉnh sửa một số phần của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Từ bài viết đã được chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:  - Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một đề tài khác để viết bài mới và công bố.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố bài viết đã sửa hoặc bài viết mới trên blog cá nhân, trên trang web, trên bảng thông tin lớp học,...  *\* Kết luận, nhận định:* | HS sử dụng bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố. (Ví dụ: Nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận, hoặc các nút cảm xúc,.). |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

Thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (nếu có) và những thông tin khác có liên quan.

Chủ đề của bài thơ

Những nỗi niềm tâm tư, xúc cảm chủ đạo trong tác phẩm.

Những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng

**PHT số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhiệm vụ** | **Áp dụng vào đề tài của em** |
| **Mở bài** | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả |  |
| Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật) |  |
| **Thân bài** | Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các một vài khía cạnh nội dung chủ đề |  |
| Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm |  |
| **Kết bài** | Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm |  |
| Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |  |

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT BÀI THƠ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở bài | Giới thiệu tên bài thơ, thể loại, tên tác giả (nếu có) |  |  |
| Khái quát những nét đặc sắc của bài thơ (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật) |  |  |
| Thân bài | Trình bày luận điểm về chủ đề bài thơ. |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ một vài khía cạnh nội dung của chủ đề. |  |  |
| Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ |  |  |
| Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ |  |  |
| Kết bài | Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ |  |  |
| Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ bài thơ |  |  |
| Diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp |  |  |
| Sử dụng từ ngữ phù hợp |  |  |
| Có phần mở bài lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| Có cách kết bài ấn tượng, đặc sắc |  |  |

**BÀI 8**

**NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

**Tiết theo PPCT: 110**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***2. Phẩm chất***

Cố gắng rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

**II. KIẾN THỨC**

- Quy trình thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Cách thức thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

- Đồ vật minh hoạ, đoạn video clip, tranh ảnh,. (nếu cần).

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động khởi động**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt kiến thức nền về kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Xác định được những tình huống giao tiếp sử dụng kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em đang quan tâm tới những vấn đề nào đang diễn ra trong đời sống xã hội?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS suy nghĩ câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 nhóm HS trả lời câu hỏi; các HS khác nhận xét và nêu câu hỏi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học mới: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu tiết học nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống để hiểu hơn cách thức thảo luận và cùng đề ra những giải pháp khả thi cho vấn đề đó nhé! | Những vấn đề đáng quan tâm trong đời sống xã hội: tình bạn, tình cảm gia đình, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, ô nhiễm môi trường, tinh thần sẻ chia “tương thân tương ái”… |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện kĩ năng thảo luận**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được cách thức thực hiện kĩ năng thảo luận.

***b. Nội dung:*** HS vẽ sơ đồ

***c. Sản phẩm:*** Sơ đồ tóm tắt quy trình thực hiện cuộc thảo luận về một vấn đề trong đời sống của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Vẽ sơ đồ tóm tắt quy trình thực hiện cuộc thảo luận về một vấn đề trong đời sống.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện một nhóm HS trả lời câu hỏi.  *\*Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sơ đồ của HS và nhắc lại quy trình |  |
| **Chuẩn bị**  - Thành lập nhóm và phân công nhiệm vụ  - Xác định đề tài thảo luận nhóm  - Thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận  - Xác định đối tượng người nghe, cách nói  - Chuẩn bị nội dung thảo luận, dự kiến các ý kiến trái chiều và ý kiến khi thảo luận  **Thảo luận (thảo luận**  **trong nhóm nhỏ và**  **thảo luận giữa các**  **nhóm)**  - Trình bày ý kiến  - Phản hồi ý kiến  - Thống nhất ý kiến  **Suy ngẫm và**  **rút kinh nghiệm**  - Chỉ ra những điều đã làm tốt trong cuộc thảo luận  - Rút ra được bài học để lần sau thảo luận đạt hiệu quả cao hơn | |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước thảo luận**

***a. Mục tiêu:***

- Thành lập nhóm, thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận, xác định đối tượng người nghe và lựa chọn cách nói phù hợp với những đối tượng đó, phân công công việc cho các thành viên và chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về mục tiêu và thời gian thảo luận, đối tượng người nghe và cách nói phù hợp với những đối tượng đó, công việc phân công cho các thành viên; nội dung chuẩn bị thảo luận.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện nhiệm vụ:  (1) Nhóm HS trả lời các câu hỏi hướng dẫn chuẩn bị thảo luận trong SGK.  (2) Cá nhân HS thực hiện *Phiếu chuẩn bị thảo luận nhóm (PHT số 1)*  **\*** *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:* GV sẽ kiểm tra sản phẩm của HS và yêu cầu HS chuẩn bị cho tiết luyện tập thảo luận. | - Một số đề tài gợi ý:  + Những điều cần làm để góp phần làm cho nơi ta sống trở nên đẹp hơn.  + Cách thể hiện tình cảm với người thân.  + Cách hành xử phù hợp khi bị bắt nạt.  +…  - Lưu ý:  + Đề tài được chọn cần có tính thực tế, nằm trong sự quan tâm của nhiều người.  + Mục tiêu thảo luận cần cụ thể, rõ ràng, khả thi.  - Phiếu chuẩn bị thảo luận nhóm. |
| **PHT số 1**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU CHUẨN BỊ THẢO LUẬN NHÓM**  Chủ đề thảo luận: Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay  **I. CÁC Ý KIẾN, LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của em** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | … | … | … | | … | … | … |   **II. DỰ KIẾN CÁC Ý KIẾN TRÁI CHIỀU VÀ Ý KIẾN PHẢN HỒI**   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến trái chiều** | **Phản hồi của em** | | … | … | |   . | |

**2. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ thảo luận**

***a. Mục tiêu:***

- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Cố gắng rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Nội dung thảo luận về vấn đề cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Vòng 1: Thảo luận trong nhóm nhỏ theo cách thức như sau: Đầu tiên, lần lượt từng thành viên trình bày ý kiến; các thành viên phản hồi ý kiến; cuối cùng cả nhóm thống nhất ý kiến về vấn đề cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay.  (2) Vòng 2: Thảo luận giữa các nhóm.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm theo theo trình tự: (1)🡪 (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện mỗi nhóm trình bày ý kiến đã thống nhất, các nhóm khác lắng nghe và nêu câu hỏi (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các nhóm HS, nêu định hướng về cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện này và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm. | - Trình bày ý kiến.  - Phản hồi ý kiến.  - Thống nhất ý kiến.  Lưu ý: Khi thảo luận, cần bám sát mục tiêu của buổi thảo luận, tránh xa đề, lạc đề, cần lắng nghe, ghi chép ý kiến của các bạn; đồng thời cần tích cực đóng góp ý kiến, phản hồi ý kiến của các bạn. |

**3. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:***

- Tự đánh giá kĩ năng thảo luận của bản thân và các thành viên trong nhóm; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân về kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm.

***c. Sản phẩm:*** Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ:  (1) Nêu ít nhất hai điều bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận.  (2) Nêu hai điều bản thân và các thành viên cần rút kinh nghiệm, điều chỉnh để lần thảo luận sau đạt hiệu quả cao hơn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1) (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*  (1) 1 - 3 HS trình bày hai điều mà bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận.  (2) 1 - 3 HS trình bày hai điều bản thân và các thành viên cần rút kinh nghiệm, điều chỉnh để lần thảo luận sau đạt hiệu quả cao hơn.  *\* Kết luận, nhận định:* | - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên các phương diện: Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách thực hiện kĩ năng thảo luận về vấn đề trong đời sống. |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***b. Nội dung:*** HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV giao cho HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp. | Hs trả lời câu hỏi |

**IV. PHỤ LỤC**

**Tiết theo PPCT: 112**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

**2. Phẩm chất:**

Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Kiến thức**

Củng cố kiến thức về Đọc – viết – nói – nghe trong chủ điểm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập: Em hãy nhắc lại một số lưu ý khi đọc hiểu bài thơ song thất lục bát.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | - Chỉ ra đặc điểm của thể thơ trong bài thơ: vần, nhịp,...  - Xác định [chủ](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-cd/) đề, bố cục, mạch cảm xúc của bài thơ và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài.  - Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng.  - Chú ý nhịp điệu bài thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm.  -... |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| **Câu 1:** Trình bày các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát  Gợi ý  - Song thất lục bát chính là tên gọi của một thể loại thơ độc đáo của Việt Nam.  - Theo đó, thơ song thất lục bát bao gồm có 2 câu 7 chữ và 1 câu 6 chữ, 1 câu 8 chữ.  luật thơ song thất lục bát như sau:  + Trong 2 câu 7 chữ: chỉ chữ thứ 3, 5 và 7 cần phải tuân theo đúng niêm luật.  + Trong câu 6 chữ: chỉ chữ thứ 2, 4 và 6 thực hiện theo đúng niêm luật.  + Trong câu 8 chữ: chỉ chữ thứ 2, 4, 6 và 8 theo đúng niêm luật.  + Những chữ còn lại có thể chọn thanh bằng hay trắc tùy ý, chỉ cần đọc nghe xuôi tai là được.  + Thơ song thất lục bát sẽ có 4 câu được đi liền với nhau, trong đó hai câu 7 tiếng (câu thất 1 và câu thất 2), tiếp đến là câu lục và câu bát.  + Luật vần ở câu lục và bát hoàn toàn giống thơ lục bát.  + Còn đối với 2 câu thất thì luật thanh không phải ở các từ 2-4-6 giống như những thể thơ khác, thay vào đó là cần chú ý vào các tiếng 3-5-7:  Câu thất 1: các tiếng 3-5-7 có thứ tự là T-B-T  Câu thất 2: các tiếng 3-5-7 có thứ tự là B-T-B  Các tiếng 1-2-4-6 còn lại sẽ tự do về thanh.  + Nếu như ở các thể thơ khác chỉ gieo vần ở thanh bằng, thì thơ song thất lục bát lại gieo vần ở cả thanh bằng và trắc. Tiếng thứ 7 của câu thất (1) thanh trắc sẽ được vần với tiếng thứ 5 của thanh trắc ở câu thất (2).  + Tiếng thứ 7 của câu thất (2) thanh bằng sẽ được vần với tiếng thứ 6 của câu lục kế tiếp.  **Câu 2:** Đọc lại các văn bản đã học và điền thông tin vào bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | **Chủ đề** | | Nỗi nhớ thương của người chinh phụ |  |  |  |  | | Hai chữ nước nhà |  |  |  |  | | Tì bà hành |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | **Chủ đề** | | Nỗi nhớ thương của người chinh phụ | oanh già, ý nhi gáy trước nhà  đào quyến gió đông, tuyết mai trắng mãi đào đông đỏ bờ | Nỗi nhớ dai dẳng của người chinh phụ chờ chồng từ năm này qua năm khác | Tâm trạng cô đơn, nhớ chồng, sự khao khát tình yêu, hạnh phúc, sum họp của người phụ nữ. | Người phụ nữ có chồng ra chiến trận | | Hai chữ nước nhà | vùng ải Bắc, mây sầu, gió thảm, hổ thét, chim kêu, thảm vong quốc, lấy ai độ tế đàn sau, bờ cõi phân mao.... | Tình cảm mãnh liệt với đất nước khích lệ lòng yêu nước của đồng bào dân tộc. | Cảm hứng yêu nước, thương dân và trao gửi sứ mệnh đất nước vào tay con | Quê hưng, đất nước | | Tì bà hành | tiếng suối lạnh, ôm sầu, đau giận, bình bạc vỡ, ngựa thét, thanh tao, buông xé lụa,... | Qua tiếng đàn tài hoa và số phận lận đận của người ca nữ, nhà thơ đã bộc lộ tâm sự về cuộc đời, về nhân sinh. | Tiếng lòng cảm thương, sự đồng cảm của nhà thơ đối với tài năng bị cuộc đời vô tình lãng quên. | Kiếp người trôi nổi |   **Câu 3**: Nhận xét về vần, nhịp của đoạn trích sau:  *Ngập ngừng lá rụng cành trâm.*  *Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm xôn xao.*  137. *Hẹn nơi nao, Hán Dương cầu nọ,*  *Chiều lại tìm, nào có tiêu hao.*  *Ngập ngừng gió thổi áo bào,*  *Bãi hôm tuôn dầy nước trào mênh mông.*  141. *Tin thường lại người không thây lại,*  *Hoa dương tàn đã trái rêu xanh.*  *Rêu xanh mấy lớp chung quanh,*  *Chân đi một bước, trăm tình ngẩn ngơ.*  (Chinh phụ ngâm, nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn, bản diễn Nôm: Phan Huy Ích)  Gợi ý  *Ngập ngừng/ lá rụng cành* ***trâm*** *(B),*  *Buổi hôm nghe dậy/ tiếng* ***cầm*** *(B) xôn xao.*  137. *Hẹn nơi nao,/Hán Dương cầu* ***nọ*** *(T),*  *Chiều lại tìm,/nào có (T) tiêu* ***hao*** *(B)*  *Ngập ngừng/ gió thổi áo* ***bào*** *(B),*  *Bãi hôm tuôn dẫy/ nước* ***trào*** *(B) mênh* ***mông*** *(B).*  141. *Tin thường lại/ người* ***không*** *(B) thấy* ***lại*** *(T),*  *Hoa dương tàn/ đã* ***trải*** *(T) rêu* ***xanh*** *(B).*  *Rêu xanh/ mấy lớp chung* ***quanh*** *(B),*  *Chân đi một bước,/ trăm* ***tình*** *(B) ngẩn ngơ.*  *(Chinh phụ ngâm,* nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn, bản diễn Nôm: Phan Huy Ích)  **Câu 4:** Xác định ý nghĩa của các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa trong các nhóm từ ngữ sau:  - Thần đồng, đồng tâm hiệp lực  - Đồng minh hội, tường minh  Gợi ý  *- Thần đồng, đồng tâm hiệp lực:*  + Yếu tố “đồng” trong “thần đồng” có nghĩa “đứa trẻ” nên “thần đồng” để chỉ đứa trẻ có khả năng vượt trội ở một lĩnh vực nào đó.  + Yếu tố “đồng” trong “đồng tâm hiệp lực” có nghĩa “cùng, cùng nhau” nên “đồng tâm hiệp lực” là chung lòng góp sức lại với nhau để làm những việc lớn, đạt đến mục đích chung.  *- Đồng minh hội, tường minh:*  Yếu tố “minh” trong “đồng minh hội” có nghĩa “thề; có quan hệ tín ước” nên “đồng minh hội” để chỉ một tổ chức với các thành viên đã cùng thề, cùng giao ước/ thoả thuận/ cam kết với nhau.  Yếu tố “minh” trong “tường minh” có nghĩa “làm cho rõ” nên “tường minh” có nghĩa là diễn đạt trực tiếp, rõ ràng.  **Câu 5:** Rút ra những điều cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận phân tích một văn bản thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.  Gợi ý  Khi viết bài văn nghị luận phân tích một văn bản thơ, có một số điều cần lưu ý:  - Đầu tiên, cần xác định chủ đề của văn bản thơ để có thể phân tích một cách sâu sắc. Chủ đề có thể là tình yêu, thiên nhiên, cuộc sống, hay bất kỳ chủ đề nào khác mà tác giả muốn truyền đạt.  -  Tiếp theo, cần tìm hiểu về những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong văn bản thơ như đoạn thơ, câu thơ, từ ngữ, ngôn ngữ hình ảnh, và các phương pháp biểu đạt khác mà tác giả sử dụng để tạo ra hiệu ứng nghệ thuật.  - Cuối cùng, cần đánh giá hiệu quả thẩm mĩ của văn bản thơ. Điều này liên quan đến cách mà văn bản thơ gợi lên cảm xúc và tạo ra ấn tượng đối với người đọc.  - Viết bài văn nghị luận phân tích một văn bản thơ đòi hỏi sự tường minh và logic trong việc phân tích các yếu tố nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của văn bản. Bạn cần cung cấp ví dụ cụ thể và lập luận rõ ràng để chứng minh quan điểm của mình.  **Câu 6:** Theo em, để cuộc thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống trở nên thú vị và hữu ích, cần có những điều kiện gì?  Gợi ý  Theo em, để cuộc thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống trở nên thú vị và hữu ích, cần có một số điều kiện sau đây:  - Sự tôn trọng: Mỗi thành viên trong nhóm cần tôn trọng ý kiến và quan điểm của nhau. Điều này giúp tạo ra một môi trường thoải mái và an toàn để mọi người chia sẻ ý kiến một cách tự do.  - Sự lắng nghe: Mọi người cần lắng nghe nhau một cách chân thành và tôn trọng. Điều này giúp mọi người hiểu rõ hơn về quan điểm và ý kiến của nhau.  - Sự đa dạng: Nhóm cần có sự đa dạng về quan điểm, kinh nghiệm và kiến thức. Điều này giúp mở rộng góc nhìn và tạo ra những ý tưởng mới.  - Thời gian và không gian: Cần có đủ thời gian và không gian để mọi người có thể thảo luận một cách thoải mái và chi tiết.  - Mục tiêu rõ ràng: Nhóm cần có mục tiêu rõ ràng và được đồng thuận từ tất cả các thành viên. Điều này giúp tập trung vào vấn đề cần thảo luận và đạt được kết quả tốt nhất.  **Câu 7:** Vì sao cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác và thấu hiểu cảm xúc của họ?  Gợi ý  - Chia sẻ tình cảm và thấu hiểu cảm xúc của người khác là một phần quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ và giao tiếp hiệu quả.  - Khi chúng ta chia sẻ tình cảm của mình với người khác, chúng ta có thể tạo ra sự gắn kết và sự tin tưởng.  - Đồng thời, khi thấu hiểu cảm xúc của người khác, chúng ta có thể đáp ứng và hỗ trợ họ một cách tốt nhất.  - Chia sẻ và thấu hiểu cảm xúc là cách để chúng ta xây dựng mối quan hệ tốt hơn và tạo ra sự gắn kết với nhau. | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

***a. Mục tiêu:*** HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Những cung bậc tình cảm.*

***b. Nội dung:*** Hs trình bày ý kiến về câu hỏi lớn của bài học

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thảo luận về các câu hỏi:  1. Sau khi học xong bài này, em có thêm câu trả lời nào mới cho câu hỏi lớn đầu bài học không?  2. Em có thay đổi ý kiến mình đã nêu ra ở đầu bài học để trả lời cho câu hỏi lớn hay không?  3. Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Mỗi HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. | Hs chia sẻ |

**V. PHỤ LỤC**